

Số: 198 /KH - MNPH

Phước Hòa, ngày 24 tháng 9 năm 2023

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2023-2024**

Thực hiện Quyết định số 2031/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương ngày 10 tháng 8 năm 2023 về Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thực hiện công văn số 326/PGD&ĐT-GDMN ngày 18/9/2023 của Phòng Giáo dục Đào tạo về hướng dẫn thực hiện Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022-2023

Thực hiện Kế hoạch số 213/KH-MNPH ngày 11 tháng 10 năm 2023 của trường mầm non Phước Hòa về kế hoạch nhiệm vụ năm học;

Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị. Bộ phận chuyên môn Trường mầm non Phước Hòa xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 như sau:

A. PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin chung:

- Đội ngũ: CBQL: 3/3 nữ;
- + Trình độ CM: Đại học: 3/3 nữ.
- Tổng giáo viên: 43/43 nữ;
- + Trình độ CM: Đại học: 40; CĐ: 3; TC: 1
- Quy mô nhóm lớp, trẻ:
- Tổng số trẻ ra lớp: 577 trẻ /21 nhóm/lớp/43 giáo viên
- Trong đó:

Nhà trẻ: 3 nhóm/ 60 trẻ/ 7GV;

Mầm: 5 lớp/ 125 trẻ/10 GV;

Chồi: 7 lớp/ 189 trẻ/14GV;

Lá: 06 lớp/ 205 trẻ/12 GV

3. THỰC HIỆN CHUYÊN ĐỀ TRỌNG TÂM:

3.1. Chuyên đề Lấy trẻ làm trung tâm

- Thực hiện sự phân công của Phòng Giáo dục, trong năm học 2023-2024 trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động triển khai chủ đề năm học đối với GDMN "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện" gắn với việc thực hiện Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm". Tổ chức đánh giá 2 năm thực hiện Chủ đề "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện" triển khai các nội dung của Chuyên đề, tổng kết kinh nghiệm và tổ chức sơ kết thực hiện Chuyên đề vào cuối năm học.

- Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, trong đó tập trung phát triển Chương trình giáo dục nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp và LTLTT.

* Thực hiện hiệu quả Chuyên đề "**Xây dựng trường mầm non Hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm**" gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện Chuyên đề "**Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025**" và năm học 2023-2024.

- Lớp điểm xây dựng trường mầm non hạnh phúc: Lá 1; Chồi 4; Mầm 3, Nhóm 1A.

- Tổ chức thực hiện các Tiêu chí xây dựng trường mầm non LTLTT theo Kế hoạch số 626/KH-BGD&ĐT ngày 30/6/2021 trong đó tập trung xây dựng môi trường xanh - an toàn - thân thiện và đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quan điểm LTLTT;

* Xây dựng môi trường chữ viết LTLTT thân thiện, hiệu quả "**Thư viện xanh của bé năm học 2023-2024**": 100% nhóm lớp xây dựng góc thư viện xanh. Các lớp điểm: Lá 4, Chồi 1, Mầm 4.

- Kiểm tra phiếu đánh giá và Kế hoạch xây dựng trường MNLTTLT các khối lớp tháng 10/2023 và tháng 5/2024.

+ Bồi dưỡng chuyên đề: các kỹ năng tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm (**tháng 9**);

+ củng cố kỹ năng xây dựng môi trường và kế hoạch giáo dục lấy trẻ làm trung tâm và theo hướng phát triển Chương trình GDMN;

+ Hướng dẫn giáo viên thực hiện việc theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ nghiêm túc, thiết thực, hỗ trợ tích cực cho việc làm cơ sở để xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo quy định của Chương trình GDMN;

+ Tiếp tục phát huy phong trào thi đua “**Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm**”, đẩy mạnh khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị CNTT và môi trường giáo dục.

+ **Phân công thực hiện chuyên đề tổ chức các hoạt động giáo dục LTLT: Phụng (NBC); Thắm (M1); T.Minh (M3); Vẽ (C5); Sa (C2); Ánh (C7); Dung (C4); Ngọc (C1); Huyền (L3), Hồng (L4), Trang (L1), Linh (L5); (Kiểm tra Tháng 10/2023, tháng 1/2024)**

Giáo viên	Nhóm/ Lớp	Nội dung thực hiện	Thời gian kiểm tra	Ghi chú
Phụng	NBC	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động NBTN	Tháng 10 và tháng 1	
Thắm	M1	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động TH	Tháng 10 và tháng 1	
T.Minh	M3	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động TH	Tháng 10 và tháng 1	
Vẽ	C5	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động TDGH	Tháng 10 và tháng 1	
Sa	C2	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động LQVT	Tháng 10 và tháng 1	
Ánh	C7	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động KPKH	Tháng 10 và tháng 1	
Dung	C4	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động THNTH	Tháng 10 và tháng 1	
Ngọc	C1	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động LQVH	Tháng 10 và tháng 1	
Huyền	L3	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động LQCV	Tháng 10 và tháng 1	
Hồng	L4	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động LQCV	Tháng 10 và tháng 1	
Trang	L1	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động LQCV	Tháng 10 và tháng 1	
Linh	L5	Lấy trẻ làm trung tâm trong hoạt động LQVT	Tháng 10 và tháng 1	

(Thực hiện chung toàn trường)

3.2. Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”

- Tiếp tục xây dựng lồng ghép và triển khai kế hoạch thực hiện “Chuyên đề tôi yêu Việt Nam” năm học 2022-2023 của trường.

- Xây dựng bảng tuyên truyền của trường nội dung chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” trên bảng tin cổng trường

- Chỉ đạo các nhóm lớp thực hiện lồng ghép giáo dục ATGT trong tất cả các hoạt động, nội dung giáo dục phù hợp với đề tài, chủ đề và nhận thức từng nhóm tuổi, khai thác tốt chủ đề an toàn giao thông trong năm.

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” đến toàn thể giáo viên (**tháng 2**).

- Tổ chức Hội thi ATGT cho khối mẫu giáo vào cuối tháng 3/2022.

- **Phân công thực hiện chuyên đề:** Lý (M2); Trà My (M4); P. Vân (M5); Văn (C5); Nga (C7); Trần Hoa (C4); Kha (C6); Hằng (L2); Kiều Oanh (L6); Trinh (L3) – (*Thời gian kiểm tra: Tháng 3/2024*).

3.3. Chuyên đề “Sẵn sàng học đọc học viết theo hướng liên thông với chương trình lớp 1 tiểu học”:

- Tăng cường các hoạt động làm quen chữ viết cho trẻ khối lá đảm bảo chương trình đến hết năm học trẻ được làm quen với 29 chữ cái cơ bản, trẻ được làm quen với các kỹ năng đọc, viết, tăng cường các hoạt động tô đồ sao chép chữ cái cho trẻ mọi lúc mọi nơi.

- Với các độ tuổi:

+ Xây dựng môi trường làm quen chữ viết bên trong và bên ngoài nhóm lớp

+ Củng cố các góc truyện tranh các lớp có chất lượng, góc thư giãn của trường với nhiều chủng loại tranh chuyện đẹp, hấp dẫn, phù hợp, tăng cường các biển báo tên đồ dùng, đồ vật, cây cảnh trong và ngoài nhóm lớp, tạo môi trường làm quen chữ viết phong phú, phù hợp với từng độ tuổi, ưu tiên các loại sách chuyện, tranh,... do cô và trẻ làm.

+ Tổ chức thực hiện tốt hoạt động làm quen với chữ viết trong sách Chồi, mầm (nếu có)

* **Xây dựng thư viện xanh, tạo môi trường giúp trẻ được làm quen với đọc, viết (tháng 9)**

- Phân công khối lá, chồi trang trí khu vực thư viện xanh.

- Xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí, tham mưu Hiệu trưởng mua sách vở, kệ đựng sách.

- Xây dựng lịch hoạt động, đảm bảo các lớp mẫu giáo được luân phiên hoạt động ít nhất mỗi nhóm lớp được hoạt động 15 ngày/1 lần.

- **Phân công chuyên đề Sẵn sàng học đọc học viết:** Anh Minh (M2); Nhung (M5); My (M4); Hoa A (C2); Nga (C7); Hoa B (C1); Châu (C6).

(*Kiểm tra chuyên đề “Sẵn sàng học đọc, học viết tháng 12/2023”*)

- **Phân công chuyên đề LOCV khối lá:** Khiết Nhi (L1); Hương Thảo (L2); Trâm (L5); Huyền (L3); Phương (L6); Sơn (L4) (*Kiểm tra tháng 12/2023, tháng 5/2024*)

3.4. Chuyên đề “Ứng phó với biến đổi khí hậu”

* **Nội dung:**

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, học sinh về biến đổi khí hậu đang xảy ra trên toàn cầu, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến đời sống con người, động thực vật.

Cách nhận biết và ứng phó những hoàn cảnh cụ thể xảy ra phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương.

Lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường, giảm nguy cơ biến đổi khí hậu.

* **Biện pháp:**

- Triển khai tập huấn, bồi dưỡng kiến thức Ứng phó biến đổi khí hậu cho đội ngũ CB-GV-NV;

- Xây dựng bảng tuyên truyền của nhà trường các nội dung chuyên đề ứng phó với biến đổi khí hậu và môi trường.

- Tổ chức thực hiện tốt lồng ghép các nội dung “Giáo dục bảo vệ tài nguyên môi trường, biển, hải đảo”; “Giáo dục bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng” trong các hoạt động.

- Tạo mọi điều kiện cho trẻ tiếp cận với chuyên đề Giáo dục bảo vệ môi trường sống, ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua các hoạt động chăm sóc giáo dục hằng ngày, mọi lúc, mọi nơi.

- Chỉ đạo giáo viên đầu tư soạn giảng có lồng ghép nội dung giáo dục bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng vào các tiết học. Giáo viên trò chuyện và cho trẻ thực hành ở mọi lúc mọi nơi: Đón – trả trẻ, trò chuyện trong tiết học, hoạt động ngoài giờ, hoạt động góc ...

- Nhắc nhở giáo viên thường xuyên thay đổi nội dung tuyên truyền, yêu cầu nội dung phải phù hợp với chủ điểm và sát với thực tế điều kiện của lớp mình.

- Chỉ đạo giáo viên thường xuyên lồng ghép nội dung chuyên đề, và tổ chức cho trẻ học thông qua các hoạt động trò chuyện, xem tranh, trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, các hoạt động khám phá khoa học, các bài tập thực hành ứng phó với BDKH ...

Phân công chuyên đề: *Hoạt động KPKH lồng ghép giáo dục BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu*: Mỹ (M3); Diễm (M4); Tuyết Châu (C6); Gấm (C3); Hoa B (C1); Hằng (L2); Trinh (L3)
- (Kiểm tra tháng 11/2023)

4. CÁC CHUYÊN ĐỀ KHÁC:

4.1. Chuyên đề “*Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ*”

- Xây dựng và triển khai kế hoạch “*Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trong trường MN*” và các văn bản pháp luật có liên quan: Quyền trẻ em, Luật giáo dục

- Triển khai Bồi dưỡng thường xuyên chuyên đề “*Quyền trẻ em, phòng chống bạo hành và xử lý vi phạm về quyền trẻ em trong cơ sở GDMN*”- Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT (tháng 01/2024) và chuyên đề «*Xây dựng môi trường đảm bảo an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ lứa tuổi mầm non* (Tháng 2/2024).

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát và phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp bạo hành trẻ em xảy ra (nếu có)

- Thực hiện tốt các tiêu chuẩn đánh giá Chuẩn đạo đức nghề nghiệp giáo viên hàng năm.

- Tiếp tục chỉ đạo các nhóm/ lớp lồng ghép dạy trẻ các kỹ năng tự bảo vệ bản thân, phòng chống bạo hành trong các hoạt động dạy kỹ năng sống cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi.

(Thực hiện chung toàn trường)

4.2. Chuyên đề “*Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong các cơ sở GDMN*”

- Tiếp tục chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp tăng cường nội dung giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non theo hướng lồng ghép, tích hợp các hoạt động giáo dục khác trong chương trình.

- Tiếp tục bổ sung đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phát triển vận động trong và ngoài nhóm lớp.

- Bảo quản tốt, sử dụng có hiệu quả các khu vực sân vận động của trường. Xây dựng kế hoạch hoạt động hợp lý tại các khu vực trò chơi vận động ngoài trời, đảm bảo 100% các khối lớp đều được tham gia chơi ít nhất 1 lần/tuần.

- Bảo quản và sử dụng hiệu quả nhà xe của trẻ, quy hoạch khu vực hoạt động, xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, đảm bảo 100% nhóm lớp đều được tham gia ít nhất 1 lần/tuần.

- Tổ chức Hội thi “*Trò chơi vận động khối Mẫu giáo*” vào cuối tháng 2/2023

- Tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động ngoại khóa (TDND nếu có)

Phân công chuyên đề: *Ánh Hồng (1A); Lệ (1B); T. Oanh (M1); P. Vân (M5); Hoa A (C2); Kiều Oanh (L6)*- Kiểm tra tháng 2/2024

(Thực hiện chung toàn trường)

4.3. Chuyên đề *giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật* (Các nhóm lớp có trẻ khuyết tật học hoà nhập):

- Tập huấn bồi dưỡng Chuyên đề “*Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật*” cho giáo viên các nhóm lớp có trẻ khuyết tật tháng 10/2023.

- Kiểm tra hồ sơ hòa nhập trẻ khuyết tật tháng 10/2023, tháng 5/2024;

- Ký duyệt kế hoạch giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ KT theo từng tháng.

4.4. Thực hiện các chuyên đề khác:

*** UDCNTT:**

- Lồng ghép Ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, trong công tác soạn giảng, từng bước thực hiện lập kế hoạch giáo dục theo phân mềm KHGD.

- Bồi dưỡng sử dụng phần mềm KHGD cho đội ngũ giáo viên;

- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất các trang thiết bị, mạng Internet, đảm bảo 100% nhóm lớp đều có mạng Internet và vi tính.

- Bảo quản và khai thác tốt phòng vi tính của trường.

*** Phân công chuyên đề (Kiểm tra tháng 9)**

UDCNTT trong LQVT: *Tuyết Oanh (M1); Văn (C5); Kha (C6); Loan (NT)*

UDCNTT trong LQVH: Nhung (M5); Sa (C2); Dung (C4); Linh (L5)

UDCNTT trong TH: Lý (M2); Hồng (L4)

* Phân công chuyên đề (KT tháng 4)

UDCNTT trong PTNN: A.Minh (M2); Mỹ (M3); Ánh (C7); Trần Hoa (C4); Sơn (L4)

UDCNTT trong GDAN: Diễm (M4); Gấm (C 3); Ngọc (C1); Trâm (Lá 5); Thảo (L2)

(Kiểm tra tháng 4/ 2023;)

• **Kiểm tra chuyên đề nhà trẻ tháng 4:**

NBTN: Phụng (NBC); Ánh Hồng (1A); -(Kiểm tra tháng 4)

NBPB (Nhà trẻ): Hương (NBC); V. Anh (1B)- (Kiểm tra tháng 4)

Tạo hình: Thúy (1A); Việt Anh (1B) (Kiểm tra tháng 3)

Loan (1B): LQVT, Thúy UDCNTT trong LQVH (Kiểm tra tháng 3)

B. PHẦN II: MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC.

I. MỤC TIÊU CHUNG

1.MỤC TIÊU GIÁO DỤC NHÀ TRẺ:

1.1 Phát triển thể chất

+ Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

+ Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

+ Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.

+ Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, giữ thăng bằng cơ thể)

+ Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

+ Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

1.2. Phát triển nhận thức

+ Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

+ Có sự nhạy cảm của các giác quan.

+ Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

+ Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng gần gũi quen thuộc.

1.3. Phát triển ngôn ngữ

+ Nghe, hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

+ Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

+ Biết sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

+ Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

+ Trẻ mạnh dạn, hồn nhiên trong giao tiếp.

1.4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ:

+ Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

+ Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc đối với con người, sự vật gần gũi.

+ Trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

+ Trẻ thích thú nghe hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

2. MỤC TIÊU GIÁO DỤC TRẺ MẪU GIÁO

2.1. Phát triển thể chất:

- Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Thực hiện được một số vận động của đôi tay một cách khéo léo.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt về giữ gìn sức khỏe, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và biết cách đảm bảo sự an toàn.

2.2. Phát triển nhận thức:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi những sự vật hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý và ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng diễn phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hàng động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Nhận ra một số mối liên hệ đơn giản của các sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, môi trường tự nhiên và xã hội.

2.3. Phát triển ngôn ngữ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
 - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
 - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hằng ngày.
 - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

2.4. Phát triển tình cảm xã hội:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh mẽ, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.5. Phát triển thẩm mỹ:

- Cảm nhận được vẻ đẹp trong thiên nhiên, vẻ đẹp của cuộc sống xung quanh và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
- Biết cảm thụ, đánh giá nhận xét các tác phẩm tạo hình của trẻ, của bạn, mô tả được ý tưởng sáng tạo của mình.

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ:

1. KHỐI NHÀ TRẺ: Nhóm 24-36 tháng:

Căn cứ vào mục tiêu và kết quả mong đợi của từng lĩnh vực trong Chương trình GDMN, khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp

SỐ TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1	-Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo cô.	+ Hô hấp: Tập hít vào thở ra + Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. + Lung, bụng, lườn: Cúi về trước, nghiêng người sang 2 bên. + Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
2	- Thực hiện phối hợp được tay, chân, cơ thể khi bò, giữ được vật đặt trên lưng	+ Bò theo hướng thẳng và có vật trên lưng.
3	Thực hiện phối hợp được tay, chân, cơ thể khi bò, bò không chạm vạch.	+ Bò trong đường hẹp 35cm x2,5m
4	- Phối hợp tay chân, mắt, bò định hướng	+ Bò theo đường ngoằn ngoèo
5	- Phối hợp khéo léo tay chân, mắt, bò định hướng, bò thấp	+ Bò chui qua cổng (ống chui)
6	- Phối hợp khéo léo tay chân, mắt thực hiện động tác bò kết hợp chui qua cổng	+ Bò trong đường hẹp kết hợp chui qua cổng.
7	- Phối hợp tay chân, trườn sấp theo hướng thẳng	+ Trườn sấp theo hướng thẳng xa 2,5m
8	- Phối hợp tay nọ, chân kia trườn thấp dưới gậy	+ Trườn sấp dưới gậy cao 40 cm
9	- Phối hợp tay chân, mắt, bò theo hướng thẳng 2 bàn tay, bàn chân tiếp đất	+ Bò bằng 2 bàn tay và 2 bàn chân
10	- Trẻ đi kết hợp định hướng trong không gian.	+ Đi theo hiệu lệnh
11	Trẻ phối hợp tay chân đi theo nhịp	+ Đi đều bước 1-2 như chú bộ đội.
12	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi theo hướng thẳng	+ Đi trong đường hẹp 25cm x 3m

13	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi theo hướng thẳng có mang vật trên tay	+ Đi trong có mang vật trên tay theo trò chơi thi ai đi khéo
14	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi theo đường ngoằn ngoèo	+ Đi theo đường ngoằn ngoèo
15	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi theo đường zig zắc	+ Đi theo đường zig zắc
16	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi bước qua vật cản.	+ Đi bước qua gậy dài 1,5m kê cao 5cm
17	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi bước vào các ô	+ Đi bước vào các ô kích thước 30x25cm
18	-Đứng co một chân và giữ thăng bằng cơ thể (chân co cách mặt đất 10-12cm.	+ Đứng co chân trái hoặc chân phải (mỗi bên 2-3 giây)
19	-Giữ thăng bằng khi chạy, thay đổi tốc độ, nhanh – chậm theo cô	+ Chạy theo tốc độ chậm – nhanh – chậm dần theo hiệu lệnh.
20	- Trẻ thực hiện được động tác chạy theo hướng thẳng	+ Chạy theo hướng thẳng 5-7m
21	- Phối hợp tay, chân, mắt thực hiện được động tác chạy theo đường ngoằn ngoèo	+ Chạy theo đường ngoằn ngoèo
22	- Trẻ thực hiện được động tác chạy theo hướng thẳng và đổi hướng.	+ Chạy đổi hướng theo cô (2-3 hướng).
23	Trẻ thực hiện được động tác bước lên xuống bậc cao 15cm	+ Bước lên xuống cầu thang cao 15cm
24	Trẻ thực hiện được động tác trèo lên xuống thang	+ Trèo lên xuống 5-7 bậc thang
25	-Thực hiện phối hợp vận động, thể hiện sức mạnh, khéo léo khi bật cao.	+ Bật tại chỗ theo trò chơi bắt bướm.
26	-Thực hiện phối hợp vận động, thể hiện sức mạnh, khéo léo khi bật về trước.	+ Bật liên tục vào vòng, bật qua vạch kẻ
27	-Thực hiện phối hợp vận động khéo léo khi bật định hướng	+ Nhảy vào nhảy ra theo trò chơi ếch ôp

28	-Thực hiện phối hợp vận động khéo léo khi bật tách khớp chân	+ Bật tách khớp chân.
29	-Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sức mạnh, khéo léo khi ném.	+ Ném bóng vào đích (xa 70- 100cm).
30	- Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sức mạnh khi ném xa bằng 1 tay	+ Ném xa lên trước bằng 1 tay tối thiểu (1,5m)
31	- Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sức mạnh khi ném xa bằng 2 tay	+ Ném xa bằng 2 tay.
32	- Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sự khéo léo khi ném vào đích	+ Ném vào đích theo trò chơi cho cá ăn.
33	- Thực hiện PH vận động tay – mắt, thể hiện sức mạnh, khéo léo khi ném bóng lên cao	+ Ném bóng bằng 2 tay qua dây (cao 80-100cm)
34	- Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sự khéo léo khi tung, bắt bóng	+ Tung bóng lên cao - bắt bóng bằng 2 tay.
35	Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sự khéo léo khi lăn bóng	+ Lăn bóng từng đôi một
36	Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sự khéo léo khi lăn bóng vào đích	+ Lăn bóng vào đích xa 1-1,2m
37	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác xếp chồng, xếp cạnh 3-4 hộp	+ Xếp chồng, xếp cạnh 3-4 khối gỗ, hoặc đồ vật.
38	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác xếp chồng, xếp cạnh 4-6 hộp	+ Xếp chồng, xếp cạnh 4-6 khối gỗ, hoặc đồ vật.
39	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác xếp chồng, xếp cạnh 6-8 hộp	+ Xếp chồng, xếp cạnh 4-6 khối gỗ, hoặc đồ vật.
40	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác xếp chồng, xếp cạnh xen kẽ các	+ Xếp chồng, xếp cạnh 6-8 khối gỗ, hoặc đồ vật xen kẽ màu sắc.

	màu sắc 6-8 hộp	
41	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác khâu vòng đồ chơi các con vật.	+ Xâu vòng đồ chơi các con vật
42	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác khâu vòng hoa	+ Xâu vòng các loại hoa
43	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác khâu vòng quả	+ Xâu vòng các loại quả
44	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác tập cài cúc, cởi cúc áo	+ Tập cài, cởi cúc áo
45	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác tập buộc và cởi dây dầy	+ Tập buộc và cởi dây dầy.
46	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác xếp khăn mặt	+ Tập Xếp khăn.
47	Trẻ biết phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt để sử dụng một số đồ dùng ăn uống.	+ Tập sử dụng đồ dùng ăn uống
48	Trẻ biết phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt trong hoạt động đi dầy dép	+ Tập đi dầy dép
49	Trẻ biết phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay xếp các áo quần đơn giản.	+ Tập xếp quần áo đi học.
50	- Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác chắp ghép, xếp hình 3-4 chi tiết.	+ Chắp ghép mảnh hình thành bức tranh, xếp ráp hình đơn giản từ các hình khối 3-4 mảnh ghép.
51	- Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác cầm và sử dụng viết	+ Tập cầm và sử dụng viết
52	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác làm quen với sách.	+ Lật mở trang sách, vở.

53	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác đong nước.	+ Đong nước vào chai, bình.
54	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác chơi với cát.	+ Chơi với cát.
55	-Trẻ nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, TCDG	+ Trẻ biết chơi các trò chơi, vận động theo nhạc các bài hát theo chủ đề, chơi các trò chơi dân gian theo hướng dẫn của cô
56	-Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	+ Bé ăn được chế độ cơm nát, cơm thường ăn được các loại thức ăn khác nhau.
57	- Có một số thói quen tốt trong vệ sinh ăn, ngủ.	+ Ăn chín, uống chín; Rửa tay trước khi ăn; Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; Có thói quen ngủ một giấc trưa.
58	- Biết sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách	+ Tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc.
59	- Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Mặc quần áo, đi giày dép, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt...
60	- Thực hiện một số thao tác vệ sinh có sự hướng dẫn của cô.	+ Thực hiện thao tác đơn giản rửa tay, lau mặt.
61	- Nhận được ký hiệu cá nhân	+ Lấy và sử dụng đồ dùng cá nhân theo ký hiệu
62	-Trẻ có thói quen vệ sinh tốt	+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
63	- Có thói quen vệ sinh chung	+ Lấy cát đồ chơi, bỏ rác đúng nơi quy định.
64	-Biết giữ gìn sức khỏe	+ Không ngậm tay và đồ chơi vào miệng, không dụi tay bẩn vào mắt, chấp nhận đội mũ khi đi nắng, đi giày, dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh, đeo khẩu trang phòng dịch.
65	- Tránh xa đồ vật nguy hiểm khi được nhắc nhở	+ Không sờ tay vào ổ điện, bàn ủi, lưỡi dao, mảnh chai lọ vỡ. Tránh xa bếp lò, bếp điện, nước sôi, bình thủy.
66	- Không leo trèo, xô đẩy bạn.khi được nhắc nhở:	+ Không xô đẩy bạn, không chui đầu qua lan can, không chui vào thang máy, không leo trèo lên cây, lan can, bàn ghế...
67	- Biết tuân thủ một số quy định giao thông đường thủy đơn giản.	+ Không chơi, không lại gần ao hồ, bể nước, lu khạp. + Đi thuyền, tàu thủy, phải phải mặc áo phao, ngồi ngay ngắn, không đùa giỡn.

68	- Không chơi những nơi nguy hiểm	+ Không chơi dưới lòng đường không chơi gần đường sắt.
69	- Biết tuân thủ một số quy định giao thông đường bộ đơn giản.	+ Không tự ý chạy qua đường khi không có người lớn, thích đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe máy, đi tàu xe ngồi ngay ngắn, không đùa giỡn.
70	- Biết giữ trật tự khi đến công viên, sở thú.	+ Không nghịch phá các con vật, không lại gần những con thú dữ.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
71	-Hiểu biết về một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Nhận biết đồ chơi, đồ dùng của bản thân và của nhóm/ lớp. + Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
72	- Nhận biết được các đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ vật trong gia đình.	+ Biết tên gọi, đặc điểm cấu tạo của đồ dùng, đồ chơi trong gia đình.
73	-Thể hiện sự hiểu biết về các bộ phận cơ thể bé	+ Nói được tên vị trí của một số bộ phận cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay chân, đầu, lưng bụng, chức năng của các bộ phận cơ thể... khi được hỏi.
74	-Nhận biết được một số phương tiện giao thông đường bộ quen thuộc.	+ Biết được tên gọi, nơi hoạt động, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông gần gũi: Ô tô, xe đạp, xe máy.... + Biết thực hiện các quy định giao thông đường bộ đơn giản.
75	-Nhận biết được một số phương tiện giao thông đường hàng không quen thuộc.	+ Biết được tên gọi, nơi hoạt động, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông hàng không: máy bay chở khách, máy bay trực thăng, máy bay thể thao, dù, kính khí cầu... + Biết thực hiện một số quy định giao thông đường không đơn giản.
76	-Nhận biết được một số phương tiện giao thông đường sắt	+ Biết được tên gọi, nơi hoạt động, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông đường sắt: tàu điện, tàu hỏa . + Biết thực hiện một số quy định giao thông đường sắt đơn giản.
77	-Nhận biết được một số phương tiện giao thông đường thủy	+ Biết được tên gọi, nơi hoạt động, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông đường thủy: tàu, thuyền, ca nô.... + Biết thực hiện một số quy định giao thông đường thủy đơn giản.
78	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số con vật con vật nuôi.	+ Biết tên gọi và đặc điểm nổi bật như: hình dáng, màu sắc, cách di chuyển, tiếng kêu của một số con vật nuôi gần gũi: Bò, chó, mèo, gà, vịt, cá...; + Trẻ biết lợi ích và cách chăm sóc một số con vật nuôi trong gia đình.
		+ Biết tên gọi và đặc điểm nổi bật như: hình dáng, màu sắc, thức

79	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số con vật sống rừng.	ăn, cách di chuyển, tiếng kêu, lợi ích của một số con vật sống trong rừng: Voi, khỉ, hổ, ... + Trẻ nhận biết và tránh xa những con vật nguy hiểm.
80	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số con vật sống dưới nước	+ Biết tên gọi và đặc điểm nổi bật như: hình dáng, hình dáng, màu sắc, thức ăn, cách di chuyển, tiếng kêu, lợi ích của một số con vật sống dưới nước cá, cua, ốc, tôm... + Trẻ nhận biết và tránh xa những con vật nguy hiểm.
81	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số loại hoa cho quả.	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại hoa cho quả: Cam, chuối, quả dưa, quả dưa, quả na, đu đủ, cà chua. + Thích ăn các loại trái cây để cơ thể khỏe mạnh.
82	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số loại hoa làm cảnh.	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại hoa làm cảnh quen thuộc: hoa mai, hoa đào, hoa cúc, hoa hồng, mười giờ... + Không hái hoa, bẻ cành
83	-Nhận biết và phân biệt được hoa cánh to, hoa cánh nhỏ	+ Nhận biết, phân biệt hoa cánh to, hoa cánh nhỏ
84	- Nhận biết được một số loại hoa quả ngày tết	+ Hoa quả ngày tết
85	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số loại Rau ăn lá.	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau ăn lá quen thuộc quen thuộc: mồng tơi, rau mồng, dền, + Thích ăn các loại rau để cơ thể khỏe mạnh.
86	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số loại ăn củ quen thuộc.	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau ăn củ: Củ cải, cà rốt, su hào... + Thích ăn các loại rau để cơ thể khỏe mạnh.
87	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số loại ăn quả quen thuộc.	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau ăn quả: cà chua, quả bí, quả bầu... + Thích ăn các loại rau củ để cơ thể khỏe mạnh.
88	Nhận biết một số màu đỏ	+ Chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ theo yêu cầu.
89	Nhận biết một số màu xanh	+ Chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu vàng, màu xanh theo yêu cầu.
90	Nhận biết một số màu vàng	+ Chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu vàng, xanh theo yêu cầu.
91	- Nhận biết một số hình dạng cơ bản	+ Nhận biết các hình và khối tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.
92	- Nhận biết, so sánh kích thước đồ vật quen thuộc.	+ Chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.
93	- Nhận biết vị trí trong không gian của một số đồ dùng, đồ chơi	+ Vị trí trong không gian (Trên- dưới; trước – sau) so với bản thân trẻ.
94	- Nhận biết, so sánh số lượng đồ dùng, đồ chơi	+ Số lượng (một – nhiều).

95	-Nhận biết bản thân, những người gần gũi trong gia đình.	+ Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân và một số người thân gần gũi: Ông, bà, bố, mẹ, anh (chị), khi được hỏi. + Gọi được tên ngôi nhà và những đồ vật quen thuộc trong gia đình.
96	- Nhận biết bản thân và những người gần gũi trong nhóm lớp.	+ Nói được tên một số bạn thân, tên cô giáo trong nhóm lớp khi được hỏi. + Nói được tên trường, nhóm lớp khi được hỏi
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
97	-Nghe và hiểu từ.	+ Nghe và hiểu được các từ: Bàn, ghế, giường, tủ, khăn, ca, mưa, nắng, nằm, ngồi....
98	-Nghe và hiểu câu.	+ Nghe và thực hiện được một số yêu cầu đơn giản của người lớn (2-3 hành động đơn giản): Con cất đồ chơi, dép, giỏ...lên giá rồi đi rửa tay!...
99	-Nghe và hiểu được lời nói với các sắc thái tình cảm khác nhau	+ Nhận biết được thái độ, trạng thái của người nói: vui, buồn, tức giận, sợ hãi.
100	- Nghe hiểu, trả lời được các câu hỏi đơn giản.	+ Nghe và trả lời được các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? “.....làm gì?”; “.....thế nào?”
101	-Phát âm được các âm khác nhau	+ Phát âm được một số âm khác nhau + Phát âm rõ tiếng. + Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi
102	-Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.	+ Trả lời và đặt được một số câu hỏi đơn giản “Con gì?”; “Cái gì?”; “Làm gì” “ Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”
103	-Thể hiện nhu cầu cảm xúc của bản thân bằng lời nói.	+ Nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh + Nói được câu đơn có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. + Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau như: Chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu của bản thân, hỏi về các vấn đề trẻ quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây?... + Nói to, đủ nghe, lễ phép
104	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề trường lớp của bé	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao về trường lớp MN. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ,câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
105	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề bản thân của bé	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao về bản thân. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ,câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo

106	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề gia đình	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao về gia đình. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
107	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề những con vật đáng yêu	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao các con vật. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
108	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề những loài hoa	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao về những loài hoa. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
109	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề ngày tết.	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao ngày tết. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
110	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề các loại hoa quả	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao về các loại hoa quả. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
111	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề rau củ	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao rau củ quả. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo

112	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề Phương tiện giao thông	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao các PTGT. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
113	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề mùa hè.	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao mùa hè. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
114	-Làm quen với sách	+ Thích nghe khi người lớn đọc sách. + Mở sách, xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. + Chỉ vào tranh kể được hành động nhân vật
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ		
115	-Trẻ nhận thức về bản thân	+ Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi, giới tính) + Thể hiện điều mình thích, không thích bằng ngôn ngữ nói, điệu bộ. + Nói được một số nhu cầu đơn giản của bản thân.
116	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	+ Nhận biết và biểu lộ một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ của người khác.
117	- Biểu lộ mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi	+ Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. + Chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. + Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.
118	-Có hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp sinh hoạt	+ Thực hiện một số hành vi văn hóa giao tiếp như: chào tạm biệt, cảm ơn!. Nói từ “Dạ”; “Vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu, cắn bạn. + Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
119	-Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản	+ Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bé e, khuấy bột, cho em bé ăn, nghe điện thoại...) + Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.
120	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Trường lớp mầm non	+ Thích nghe hát, nghe nhạc các bài về trường lớp MN với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.

121	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Bản thân bé	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Bản thân bé với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.
122	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Gia đình.	+ Thích nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau Gia đình; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.
123	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Những con vật đáng yêu.	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Những con vật đáng yêu với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.
124	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Những con vật đáng yêu	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Những con vật đáng yêu với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.
125	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Ngày tết	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Ngày tết với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.
126	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Các loại quả	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Các loại quả với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.
127	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Các loại rau.	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Các loại rau với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.
128	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Phương tiện giao thông	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Phương tiện giao thông với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.
129	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Mùa hè	+ Thích nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.
130	Trẻ thích cầm bút, vẽ tự do trên giấy	+ Trẻ tập cầm bút vẽ những nét ngược ngoạc

131	Trẻ thích Cầm bút di màu trên các hình dạng tròn	+ Di màu quả bóng
132	Thích Cầm bút di màu trên các hình dạng vuông	+ Di màu chiếc yếm
133	Trẻ thích tô màu đồ chơi dạng tròn	+ Tô màu bong bóng
134	Tô màu trên các đồ chơi của bé	+ Tô màu cái trống lắc
135	Bé thích tô màu các đồ dùng ăn uống	Tô màu cái ca
136	Bé thích tô màu các đồ dùng gia đình	Tô màu cái xô
137	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động tô màu các loại quả	+ Tô màu quả táo
138	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động tô màu các loại củ	+ Tô màu củ cà rốt
139	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động tô màu động vật sống dưới nước	+ Tô màu con cá
140	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động tô màu động vật sống trong rừng	+ Tô màu con voi
141	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động tô màu các loại bánh ngày tết	+ Tô màu bánh chưng
142	Trẻ vẽ được các nét xiên	+ Vẽ mưa mùa xuân
143	Trẻ vẽ được các nét thẳng, xiên	+ Vẽ tia nắng
144	Trẻ tô màu được đồ dùng gia đình	+ Tô màu áo cho mẹ
145	Trẻ tô được những nét ngang	+ Tô màu đường về nhà
146	Trẻ tô màu được những nét cong tròn	+ Tô màu mũ bảo hiểm
147	Trẻ tô màu được những nét cong tròn, gợn sóng	+ Tô màu chiếc ô
148	Trẻ tô màu được những đồ vật có nhiều nét.	+ Tô màu bánh sinh nhật
149	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động vẽ những nét tròn.	+ Vẽ hoa tặng cô
150	Trẻ thích chơi với đất nặn	+ Véo nhỏ, gộp đất, nhồi đất

151	Thực hiện được các thao tác lăn đất thành viên tròn.	+ Lăn tròn.
152	Thực hiện được các thao tác lăn đất thành viên dài.	+ Lăn dài
153	Thực hiện được các thao tác ấn bẹt đất.	+ Ấn bẹt
154	Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động nặn các loại quả tròn	+ Nặn quả tròn
155	Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động nặn các loại quả dài	+ Nặn quả dài
156	Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động nặn các loại bánh	Nặn bánh tròn, bánh vuông
157	Thực hiện được các động tác vò, xé giấy	+ Vò, xé vụn giấy
185	Thực hiện được các động tác xé giấy thành dải	+ Xé giấy thành dải
159	Thực hiện được các động tác bôi hồ dán thêm chi tiết.	+ Dán lá cho cảnh hoa
160	Thực hiện được các động tác bôi hồ dán nổi	+ Dán dây xúc xích
161	Trẻ tô được những nét ngang, xiên, tròn	+ Tô màu ô tô
162	Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động xé dán.	+ Xé theo đường kim châm
163	Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động xếp hình	- Ráp các mảnh hình thành bức tranh đơn giản từ 4-5 mảnh

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 - 2024
MẪU GIÁO BÉ 3-4 TUỔI
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC HOÀ

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất		
a) Phát triển vận động		
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	<i>Thực hiện đủ các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo hướng dẫn.</i>	Hoạt động khác: - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực -Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, phải + Nghiêng người sang trái, sang phải -Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Co duỗi chân
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động		
MT2	<i>Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện được các động tác đi theo hướng thẳng.</i>	Hoạt động học: + Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m).
MT3	<i>Đi phối hợp chân tay nhịp nhàng</i>	Hoạt động học: - Đi trong đường ngoằn ngoèo
MT4	<i>Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên vạch kẻ trên sân</i>	Hoạt động học: Đi trên vạch kẻ trên sân
MT5	<i>Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)</i>	Hoạt động học: Đi thăng bằng trên ghế thể dục
MT6	<i>Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện được các động tác đi có mang vật trên đầu</i>	Hoạt động học: Đi trong đường hẹp (3m x 0,3m) có mang vật trên đầu
MT7	<i>Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện được các động tác đi kiễng gót.</i>	Hoạt động học: Đi kiễng gót liên tục 3m
MT8	<i>Kiểm soát được các vận động chạy theo hiệu lệnh</i>	Hoạt động học: Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.
MT9	<i>Kiểm soát được các vận động đi theo các hướng</i>	Hoạt động học: Đi theo đường zic zắc
MT10	<i>Kiểm soát được các vận động chạy theo các hướng</i>	Hoạt động học: Đi chạy liên tục thay đổi hướng theo đường zig zắc (3-4 điểm zig zắc) không chệch ra ngoài.

MT11	<i>Kiểm soát được các vận động chạy theo hướng thẳng</i>	Hoạt động học: Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng
MT12	<i>Thực hiện được các động tác phối hợp: bò theo hướng thẳng</i>	Hoạt động học: Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài, kết hợp bò chui qua cổng.
MT13	<i>Thực hiện được các động tác phối hợp: Bò chui qua ống</i>	Hoạt động học: Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m
MT14	<i>Thực hiện được các động tác vận động: Bò chui qua cổng</i>	Hoạt động học: Bò chui qua cổng
MT15	<i>Thực hiện được các động tác vận động: Bò bằng bàn tay và bàn chân</i>	Hoạt động học: Bò bằng bàn tay và bàn chân
MT16	<i>Thực hiện khéo léo bài tập trườn về phía trước</i>	Hoạt động học: Trườn về phía trước
MT17	<i>Thực hiện khéo léo bài tập trườn qua 3 - 4 chướng ngại vật</i>	Hoạt động học: Trườn qua 3 - 4 chướng ngại vật
MT18	<i>Thực hiện được các động tác vận động: Bước lên xuống bậc cao 30 cm.</i>	Hoạt động học: Bước lên xuống bậc cao 30 cm
MT19	<i>Thực hiện được các động tác trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,0m - 1,2m</i>	Hoạt động học: Trèo lên xuống thang độ cao 1,0m - 1,2m
MT20	<i>Thực hiện được các động tác vận động: bò theo các hướng.</i>	Hoạt động học: Bò theo hướng bò đích dắc
MT21	<i>Phối hợp khéo léo trong thực hiện bài tập bò trườn</i>	Hoạt động học: Trườn sấp trong đường hẹp 0,5mx3m.
MT22	<i>Thực hiện được các động tác phối hợp tay, mắt trong vận động tung bắt với người lớn</i>	Hoạt động học: Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng khoảng cách (2,5m).
MT23	<i>Thực hiện được các động tác phối hợp tay, mắt trong vận động chuyền bóng qua đầu, qua chân</i>	Hoạt động học: Truyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang dọc.
MT24	<i>Thực hiện được các động tác phối hợp tay, mắt trong vận động tự đập, bắt bóng.</i>	Hoạt động học: Tự đập, bắt bóng được 3 lần liên (Đường kính bóng 18cm)
MT25	<i>Thực hiện được các động tác vận động lăn bóng từng đôi 1</i>	Hoạt động học: Lăn bóng từng đôi 1
MT26	<i>Thực hiện được các động tác vận động lăn bóng vào khung thành</i>	Hoạt động học: Lăn bóng vào khung thành
MT27	<i>Thực hiện được các động tác phối hợp tay, mắt trong vận động ném.</i>	Hoạt động học: Ném bóng qua dây xa 1m, cao 1,5m
MT28	<i>Thực hiện được các động tác nhanh, mạnh khéo trong bài tập ném xa</i>	Hoạt động học: Ném xa bằng 2 tay
MT29	<i>Thực hiện được các động tác nhanh, mạnh khéo trong bài tập ném xa</i>	Hoạt động học: Ném xa bằng 1 tay
MT30	<i>Thực hiện được các động tác</i>	Hoạt động học:

	<i>nhANH, mẠnh khÉo trong bài tập vận động ném trúng đích.</i>	Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m)
MT31	<i>Thực hiện được các động tác nhanh, mạnh khéo trong bài tập tổng hợp Bật tại chỗ theo trò chơi bắt bướm</i>	Hoạt động học: Bật tại chỗ theo trò chơi bắt bướm
MT32	<i>Thực hiện được các động tác nhanh, mạnh khéo trong bài tập bật sâu 25 cm</i>	Hoạt động học: bật sâu 25 cm
MT33	<i>Thực hiện được các động tác nhanh, mạnh khéo trong bài tập tổng hợp chạy nhanh</i>	Hoạt động học: Chạy nhanh theo TC " thi xem tổ nào nhanh"
MT34	<i>Thực hiện các động tác bật tiến về trước</i>	Hoạt động học: Bật liên tục về phía trước.
MT35	<i>Thực hiện các động tác bật xa</i>	Hoạt động học: Bật xa 20-25 cm.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
MT36	<i>Thực hiện được các vận động cổ tay, ngón tay.</i>	Hoạt động khác: Gập đan các ngón tay vào nhau. Xoay tròn cổ tay.
MT37	<i>Thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong các hoạt động vẽ và tô màu.</i>	Hoạt động học: Vẽ được đường thẳng, đường tròn theo mẫu, tô vẽ nguyệt xích ngoặc.
MT38	<i>Thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong các hoạt động cắt.</i>	Hoạt động học: Cắt thẳng được 1 đoạn 10cm
MT39	<i>Thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong các hoạt động xé, dán.</i>	Hoạt động học: Xé giấy theo hướng thẳng, xé cong, xé vụn, tập dán giấy
MT40	<i>Thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong các hoạt động cởi nút, mở cúc</i>	Hoạt động khác: Tự cài và cởi cúc áo, mở dây dầy
MT41	<i>Thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong các hoạt động xếp đồ dùng cá nhân</i>	Hoạt động khác: Xếp , gấp quần áo, gói, nệm, xếp đồ dùng, đồ chơi
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT42	<i>Nhận biết được một số thực phẩm</i>	Hoạt động khác: Nhận biết, gọi được tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
MT43	<i>Nhận biết được một số món ăn quen thuộc</i>	Hoạt động khác: Biết tên một số món ăn quen thuộc trong các bữa ăn hằng ngày (Trứng rán, cá kho, canh rau...)
MT44	<i>Biết lợi ích của thức ăn đối với sức khỏe</i>	Hoạt động khác: Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) Chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		

MT45	<i>Thực hiện được một số việc đơn giản tự phục vụ đánh răng, lau mặt với sự giúp đỡ của người lớn.</i>	Hoạt động khác: Thực hiện được các thao tác đánh răng, lau mặt, súc miệng.
MT46	<i>Thực hiện được thao tác rửa tay với sự giúp đỡ của người lớn.</i>	Hoạt động khác: Rửa tay bằng xà phòng, chải đầu ...
MT47	<i>Sử dụng được các đồ dùng ăn uống</i>	Hoạt động khác: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách
MT48	<i>Thực hiện được thao tác Tháo tất, cởi quần áo với sự giúp đỡ của người lớn</i>	Hoạt động khác: Tháo tất, cởi quần áo, đi dày dép...

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

MT49	<i>Có hành vi tốt trong ăn uống</i>	Hoạt động khác: + Ăn chín, uống nước đã đun sôi + Biết mời cô mời bạn khi ăn.
MT50	<i>Có hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh, biết giữ gìn sức khỏe</i>	Hoạt động khác: + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. + Biết nói với người lớn khi đau hoặc bị chảy máu
MT51	<i>Chấp nhận mặc trang phục theo thời tiết.</i>	Hoạt động khác: Nhận biết trang phục theo thời tiết, chấp nhận đội mũ khi đi nắng, mặc ấm khi trời lạnh, đi dép khi ra ngoài, đi học...

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

MT52	<i>Nhận biết và tránh một số đồ vật nguy hiểm khi được nhắc nhở</i>	Hoạt động khác: Nhận biết và tránh một số đồ vật nguy hiểm: Bàn là, bếp đang nấu; phích nước nóng, ổ điện, các vật sắc, nhọn...) khi được nhắc nhở.
MT53	<i>Nhận biết và tránh một số hành động nguy hiểm trong khi ăn uống khi được nhắc nhở</i>	Hoạt động khác: + Biết tránh một số hành động nguy hiểm: (Không nói chuyện hoặc cười đùa khi ăn, không tự lấy thuốc uống; không trèo cây, không trèo lên lan can lầu và bàn ghế; + Không cười đùa khi ăn uống hoặc khi đang ăn các loại quả có hạt
MT54	<i>Không thực hiện các hành vi nguy hiểm</i>	Hoạt động khác: + Không chơi các trò chơi quăng ném đồ vật vào người khác, không trèo cây, không trèo lan can, bàn ghế, không xô đẩy bạn, không nghịch các đồ vật sắc, nhọn, nóng.
MT55	<i>Không đi theo hoặc nhận đồ của người lạ</i>	Hoạt động khác: Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp, không nhận đồ, không ăn đồ ăn thức uống của người lạ.
MT56	<i>Nhận biết và tránh xa nơi nguy hiểm</i>	Hoạt động khác: + Nhận biết và tránh những nơi không an toàn (Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố sâu, hố vôi...) khi được nhắc nhở. + Không xuống ao hồ, bể nước... để tắm. + Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ
MT57	<i>Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ</i>	Hoạt động khác: Biết kêu cứu khi bản thân hoặc thấy người khác bị đuối nước, bị đau hoặc đang gặp nguy hiểm

II. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT58	Khám phá đặc điểm và công dụng của nước.	Hoạt động học: + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. + Lợi ích của nước với đời sống con người, con vật, cây cối. + Bảo vệ nguồn nước sạch.
MT59	-Khám phá một số hiện tượng thiên nhiên: thời tiết, mùa trong năm.	+ Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.
MT60	- Khám phá ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	+ Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. + So sánh sự khác nhau giữa ngày và đêm.
MT61	-Khám phá một số loại đất, cát sỏi thiên nhiên.	+ Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi + Tên gọi, đặc điểm nổi bật, môi trường sống và ích lợi của các loại cây, hoa, quả quen thuộc.
MT62	Tìm hiểu về một số thực vật quen thuộc.	+ Mối liên hệ đơn giản giữa các loại cây hoa quả quen thuộc với môi trường sống của chúng.
MT63	-Tìm hiểu về một số động vật quen thuộc.	+ Cách chăm sóc và bảo vệ cây.
MT64	-Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng	+ Phân nhóm cây, hoa, quả theo 1 dấu hiệu chung. + Tên gọi, đặc điểm nổi bật, môi trường sống và ích lợi của con vật quen thuộc.
MT65	- Khám phá các bộ phận cơ thể con người.	+ Mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống của chúng.
MT66	- Quan tâm, hứng thú quan sát các sự vật, hiện tượng gần gũi,	+ Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi. + Phân nhóm động vật theo 1-2 dấu hiệu chung.
MT67	- Biết sử dụng các kỹ năng để khám phá đối tượng.	+Tên gọi, vị trí chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. + Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. + Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.
MT68	- Thể hiện sự hiểu biết về đối tượng	Hoạt động khác: + Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. + Quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi, thích thú quan sát, và đặt câu hỏi về đối tượng. + Sử dụng các giác quan để xem xét tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm của đối tượng. + Làm một số thử nghiệm đơn giản như “ Chìm – nổi) có sự giúp đỡ của người lớn. + Thu thập thông tin bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh, ảnh và trò chuyện về các đối tượng. + Phân loại đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.
MT69	Khám phá đặc điểm ích lợi của không khí, ánh sáng.	Hoạt động học: + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. + Ích lợi của không khí, ánh sáng với con người, cây cối, con vật.
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
1. Nhận biết số đếm, số lượng		
MT70	Nhận biết số đếm, tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm,	Hoạt động học: Đếm trên đối tượng giống nhau, đếm đến 5 và đếm theo khả năng. Hoạt động khác:

		+ Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.
MT71	Đếm nhóm có 1 - 2 đối tượng, nhận biết chữ số 1, 2.	Hoạt động học: Dạy trẻ S lượng 1, 2
MT72	Đếm nhóm có 3 đối tượng, nhận biết chữ số 3.	Hoạt động học: Dạy trẻ S lượng 3
MT73	Đếm nhóm có 4 đối tượng, nhận biết chữ số 4.	Hoạt động học: Dạy trẻ S lượng 4
MT74	Đếm nhóm có 5 đối tượng, nhận biết chữ số 5.	Hoạt động học: Dạy trẻ S lượng 5
2. Sắp xếp theo qui tắc		
MT75	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Hoạt động học: Xếp xen kẽ các hình hình học để tạo các đồ vật.
MT76	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản theo quy tắc.	Hoạt động học: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.
3. So sánh hai đối tượng		
MT77	Trẻ so sánh, thêm bớt phân chia các đối tượng SL3	Hoạt động học: So sánh, thêm bớt phân chia nhóm có 3 đối tượng + Tách, gộp một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm. + Xếp tương ứng 1-1; ghép đôi,
MT78	Biết tách, gộp 1 nhóm đối tượng thành hai, nhiều nhóm trong phạm vi 5	
MT79	- Biết ghép đôi tương ứng 1-1. Xếp tương ứng từng đôi một.	
MT80	Trẻ so sánh, thêm bớt phân chia các đối tượng SL4	Hoạt động học: So sánh, thêm bớt phân chia nhóm có 4 đối tượng
MT81	Trẻ so sánh, thêm bớt phân chia các đối tượng SL5	Hoạt động học: So sánh, thêm bớt phân chia nhóm có 5 đối tượng
MT82	So sánh 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5.	Hoạt động học: So sánh số lượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT83	So sánh chiều dài của 2 đối tượng. nói được dài hơn, ngắn hơn.	Hoạt động học: So sánh Phân biệt dài – ngắn
MT84	So sánh chiều rộng của 2 đối tượng. nói được rộng hơn, hẹp hơn	Hoạt động học: So sánh, phân biệt rộng – hẹp
MT85	So sánh chiều cao của 2 đối tượng. nói được thấp hơn, cao hơn,	Hoạt động học: So sánh, nhận biết được sự khác nhau về cao - thấp của hai đối tượng
MT86	So sánh về kích thước 2 đối tượng	Hoạt động học: So sánh, Phân biệt to – nhỏ giữa 2 đối tượng
MT87	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng (nhiều hơn, ít hơn)	Hoạt động học: Ít – Nhiều.
4. Nhận biết hình dạng		
MT88	Nhận biết phân biệt hình dạng hình tròn, hình chữ nhật.	Hoạt động học: + Nhận dạng và gọi tên các hình: hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. Hoạt động khác:

		Sử dụng các hình hình học để lắp ghép
MT89	Nhận biết phân biệt hình dạng hình vuông, tam giác	Hoạt động học: Nhận dạng và gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, và nhận dạng các hình đó trong thực tế.
MT90	Nhận biết phân biệt hình học trong cuộc sống	Hoạt động học: Lắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT91	Nhận biết vị trí trong không gian trên dưới, trước sau so với bản thân	Hoạt động học: Nhận biết phía trên – phía dưới, phía trước- phía sau so với bản thân
MT92	Nhận biết vị trí tay phải, trái của bản thân	Hoạt động học: Phân biệt tay phải – tay trái, phía phải - phía trái của bản thân
MT93	Nhận biết vị trí trong không gian phía phải trái so với người khác	Hoạt động học: Nhận biết phía phải – phía trái;so với người khác
MT94	Nhận biết vị trí trong không gian trên, dưới, trước sau so với bạn khác	Hoạt động khác: Nhận biết trên - dưới, trước - sau so với bạn khác
MT95	Nhận biết và định hướng thời gian.	Hoạt động khác: + Nhận biết các buổi sáng , trưa, chiều, tối. + Gọi tên ngày, tháng, các thứ trong tuần
c) Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT96	Khám phá các đồ dùng đồ chơi	Hoạt động học: + Tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng và bảo quản đồ dùng đồ chơi. + Phân loại đồ dùng đồ chơi theo công dụng, chất liệu... + Một số luật đi đường đơn giản. + Một số biển báo giao thông đơn giản - Biết về các thành viên trong gia đình, các thông tin về gia đình: Họ tên bố, mẹ, anh, số nhà, số điện thoại của bố, mẹ, Nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Biết các nhu cầu cần thiết của gia đình như nhu cầu ăn, mặc, vui chơi, giải trí, đi lại... -Biết tên, đặc điểm, chất liệu một số kiểu nhà, các phòng trong gia đình bé. + Nói được tên tuổi, giới tính, sở thích, thói quen của bản thân khi được hỏi, trò chuyện + Nói được tên trường/ lớp mẫu giáo, tên của cô giáo khi được hỏi, trò chuyện. + Nói được tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. Một số nghề quen thuộc + Nhận biết cờ tổ quốc, kể tên của một vài danh lam, thắng cảnh. + Tên gọi, đặc điểm nổi bật: Tiếng còi, nơi hoạt động, vận tốc ..., công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc: PTGT đường bộ; PTGT đường sắt; PTGT đường thủy; PTGT đường không.
MT97	Trẻ làm quen các luật giao thông	
MT98	-Hiểu biết về gia đình.	
MT99	-Nhận biết về bản thân.	
MT100	Nhận biết về trường, lớp mầm non và cộng đồng.	
MT101	-Trẻ, nhận biết được một số nghề phổ biến, quen thuộc, nghề truyền thống của địa phương.	
MT102	-Trẻ nhận biết biểu tượng tổ quốc, một số danh lam thắng cảnh	
MT103	Trẻ làm quen các phương tiện giao thông.	

		<ul style="list-style-type: none"> + Phân loại các nhóm PTGT theo dấu hiệu. + So sánh vận tốc Nhanh – chậm <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kể tên được một số nghề quen thuộc, nhận được sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến tại địa phương.
MT104	<i>Nhận biết về trường, lớp mầm non và cộng đồng.</i>	<p>Hoạt động học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nói được tên trường/ lớp mẫu giáo, tên của cô giáo khi được hỏi, trò chuyện. + Nói được tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nói được tên trường/ lớp mẫu giáo, tên của cô giáo khi được hỏi, trò chuyện. + Nói được tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT105	<i>Trẻ biết một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.</i>	<p>Hoạt động học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra ảnh Bác, biết tên, ngày sinh nhật và quê hương của Bác Hồ - Biết Bác hồ rất yêu thương các cháu thiếu nhi <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kể được tên một số lễ hội: ngày hội đến trường của bé, Ngày tết trung thu; Ngày tết nguyên đán; Ngày quốc tế thiếu nhi; Ngày tết thầy cô giáo; Ngày quốc tế phụ nữ...qua trò chuyện, tranh ảnh.
MT106	<i>Hiểu biết về Bác Hồ</i>	
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT107	<i>Nghe, hiểu các từ khái quát gần gũi, quen thuộc;</i>	<p>Hoạt động học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe hiểu nghĩa của các từ khái quát chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc : Quần áo, đồ chơi, hoa quả... + Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu mở rộng. <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe hiểu nghĩa của các từ khái quát chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc : Quần áo, đồ chơi, hoa quả... + Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu mở rộng.
MT108	<i>Nghe, hiểu trả lời và làm theo một số yêu cầu đơn giản</i>	<p>Hoạt động học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe, hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản, ví dụ “Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ!”. + Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại (Cái gì? Ở đâu? Làm gì?) <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe, hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản, ví dụ “Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ!”. + Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại (Cái gì? Ở đâu? Làm gì?)
MT109	<i>Nghe, hiểu nội dung câu chuyện</i>	<p>Hoạt động học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với lứa

		tuổi.
MT110	<i>Nghe, hiểu nội dung bài thơ, ca, hò về</i>	Hoạt động học: Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò về phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT111	<i>-Bày tỏ tình cảm, nhu cầu bản thân</i>	Hoạt động học: + Bày tỏ tình cảm, nhu cầu của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
MT112	<i>Sử dụng cử chỉ điệu bộ, ánh mắt, nét mặt...phù hợp trong giao tiếp hằng ngày.</i>	+ Nói đủ nghe, không nói lí nhí. ++ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp.
MT113	<i>Nói rõ các tiếng, các câu</i>	+ Phát âm rõ ràng để người khác hiểu được. + Nói đủ nghe, không nói lí nhí. + Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “Tại sao?”
MT114	<i>-Sử dụng đúng từ, ngữ câu trong giao tiếp hằng ngày.</i>	+ Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... + Sử dụng từ biểu thị sự lễ phép: vâng ạ, dạ, thưa... Hoạt động khác: + Phát âm rõ ràng để người khác hiểu được. + Nói đủ nghe, không nói lí nhí.
3. Làm quen với đọc, viết		
MT115	<i>- Đóng kịch</i>	Hoạt động học:
MT116	<i>- Kể chuyện theo tranh</i>	+ Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện
MT117	<i>- Làm quen với ký hiệu, chữ viết xung quanh</i>	+ Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. + Mô tả lại sự việc, tranh ảnh có sự giúp đỡ của người lớn
MT118	<i>- Kể chuyện theo đồ vật</i>	+ Chỉ vào đồ vật kể về tên gọi, đặc điểm, chức năng của đồ vật có sự gợi ý giúp đỡ của người lớn.
MT119	<i>- Làm quen với đọc vẹt theo tranh</i>	+ Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè phù hợp với lứa tuổi.
MT120	<i>- Thích làm quen với cách viết</i>	+ Kể chuyện đơn giản đã được nghe có sự giúp đỡ của người lớn.
MT121	<i>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao</i>	+ Kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
MT122	<i>- Kể chuyện theo hướng dẫn của người lớn.</i>	Hoạt động khác: + Nhận biết tên và ý nghĩa của một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...) + Làm quen chữ viết trên các góc, khu vực trong lớp, trường + Nhận biết tên và ý nghĩa của một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...) + Làm quen chữ viết trên các góc, khu vực trong lớp, trường Nhìn, chỉ vào tranh, gọi tên, mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. + Vẽ, viết những nét nguệch ngoạc, tô theo chữ cái rỗng viết chữ to, viết chữ nhỏ
MT123	<i>Làm quen với sách</i>	Hoạt động khác: ++ Cầm sách đúng chiều của chữ + Mở lật từng trang - Biết cầm sách, mở sách theo hướng dẫn của người lớn.

MT124	<i>Thích làm quen với đọc sách</i>	Hoạt động khác: + Thích tiếp xúc với chữ, sách, truyện, đề nghị người khác đọc sách cho nghe. + Thích xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Giữ gìn, bảo vệ sách.
MT125	<i>Nhận biết và phát âm một số chữ cái đơn giản</i>	Hoạt động khác: Làm quen chữ viết
MT126	<i>Đọc nhấn mạnh chữ cái trong từ</i>	Hoạt động khác: Đọc được từng câu các bài thơ, nhấn mạnh từ có chứa chữ cái
Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
MT127	<i>Bày tỏ tình cảm, nhu cầu bản thân</i>	Hoạt động khác: + Bày tỏ tình cảm, nhu cầu của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép + Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. + Những điều bé thích, không thích.
MT128	<i>Sử dụng đúng từ, ngữ câu trong giao tiếp hằng ngày.</i>	Hoạt động khác: + Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “Tại sao?” + Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... + Sử dụng từ biểu thị sự lễ phép: vâng ạ, dạ, thưa...
MT129	<i>Sử dụng cử chỉ điệu bộ, ánh mắt, nét mặt...trong giao tiếp hằng ngày.</i>	Hoạt động khác: + Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp.
MT130	<i>Kể chuyện theo hướng dẫn của người lớn.</i>	Hoạt động khác: + Kể chuyện đơn giản đã được nghe có sự giúp đỡ của người lớn. + Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện + Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. + Mô tả lại sự việc, tranh ảnh có sự giúp đỡ + Kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT131	<i>-Nhận biết cảm xúc, tình cảm với con người xung quanh.</i>	Hoạt động học: + Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. + Những điều bé thích, không thích.
MT132	<i>Tự ý thức về bản thân.</i>	Hoạt động khác: + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh ảnh, thái độ của mọi người xung quanh. + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh ảnh, thái độ của mọi người xung quanh. + Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. + Những điều bé thích, không thích.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		

MT133	<i>Thể hiện sự tự tin, tự lực.</i>	Hoạt động khác: + Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi + Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT134	<i>Biết biểu lộ cảm xúc tích cực khi được xem tranh, ảnh Bác Hồ, cảnh đẹp của quê hương.</i>	Hoạt động học: + Nhận ra hình ảnh Bác Hồ + Thích nghe kể chuyện, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. + Yêu quý ngôi nhà, con đường, làng xóm, mái trường.
MT135	<i>-Thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người.</i>	Hoạt động khác: + Biểu lộ trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, thái độ của bản thân.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT136	<i>-Biết biểu lộ cảm xúc phù hợp khi thực hiện các hoạt động ca hát, đọc thơ, đóng kịch....</i>	Hoạt động học: + Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, đóng kịch (Sợ hãi, tức giận) + Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, cất xếp đồ sau khi chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ)
MT137	<i>Thực hiện những thói quen và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp.</i>	Hoạt động khác: + Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, cất xếp đồ sau khi chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ) + Giúp đỡ em bé, cô giáo, ông, bà, cha mẹ và mọi người xung quanh.
MT138	<i>- Biết quan tâm giúp đỡ mọi người khi cần thiết.</i>	Hoạt động khác: + Cử chỉ, lời nói lễ phép (biết nói lời chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi) khi được nhắc nhở. + Nhận biết hành vi “đúng- sai, tốt –xấu”
MT139	<i>Thực hiện các hành vi, quy tắc lễ giao trong giao tiếp ứng xử hàng ngày</i>	Hoạt động khác: ++ Chờ đến lượt, chơi hòa thuận với bạn + Chú ý nghe khi cô, bạn nói + Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. + Chờ đến lượt, chơi hòa thuận với bạn + Chú ý nghe khi cô, bạn nói + Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.
MT140	<i>-Biết hợp tác chơi với bạn trong nhóm nhỏ</i>	Hoạt động khác: ++ Chờ đến lượt, chơi hòa thuận với bạn + Chú ý nghe khi cô, bạn nói + Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. + Chờ đến lượt, chơi hòa thuận với bạn + Chú ý nghe khi cô, bạn nói + Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.
5. Quan tâm đến môi trường		
MT141	<i>Biết tiết kiệm năng lượng điện, nước.</i>	Hoạt động khác: + Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, vặn nước vừa phải, khóa vòi nước khi không sử dụng.
MT142	<i>Biết bảo vệ môi trường sạch sẽ, thân thiện.</i>	Hoạt động khác: + Biết bỏ rác trong thùng, lấy cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định. + Không bôi bẩn, vẽ bẩn lên tường, tiêu tiêu đúng nơi quy định.
MT143	<i>-Biết quan tâm đến cây cảnh, con vật nuôi xung quanh.</i>	Hoạt động khác: + Biết chăm sóc cây cối, con vật nuôi gần gũi. + Không hái hoa bẻ cành, không giẫm đạp lên cỏ.
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ		

V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
MT144	<i>-Cảm nhận vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.</i>	Hoạt động khác: + Vui sướng, chỉ chỗ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT145	<i>-Thích được nghe nhạc, nghe hát</i>	Hoạt động khác: + Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi được nghe các âm thanh gợi cảm, và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng + Nghe hiểu nội dung các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca theo lứa tuổi) + Nghe, cảm nhận giai điệu, lắng lư, nhún nhảy theo điệu nhạc;
MT146	<i>T- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.</i>	Hoạt động khác: + Hát được theo cô đúng giai điệu, lời ca bài hát
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT147	<i>- Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc</i>	Hoạt động học: + Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) + Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. + Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. + Tự vận động các động tác đơn giản theo ý thích theo các bản nhạc quen thuộc. + Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản; + Tô màu không lem ra ngoài Hoạt động khác: + Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) + Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.
MT148	<i>- Biết vận động theo ý thích các bản nhạc, bài hát quen thuộc.</i>	
MT149	<i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc</i>	
MT150	<i>-Có một số kĩ năng trong hoạt động tạo hình vẽ và tô màu;</i>	
MT151	<i>Có kĩ năng vận động theo nhạc</i>	Hoạt động học: + Vận động theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT152	<i>- Có một số kĩ năng trong hoạt động tạo hình nặn</i>	Hoạt động học: + Lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt tạo thành các sản phẩm có từ 1 khối đến 3 khối; Sử dụng các kĩ năng tạo hình của bản thân cùng bạn tạo ra sản phẩm, có ý thức làm việc theo nhóm nhỏ Hoạt động khác: + Lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt tạo thành các sản phẩm có từ 1 khối đến 3 khối;
MT153	<i>Biết phối hợp cùng nhóm bạn tạo ra sản phẩm</i>	
MT154	<i>Có một số kĩ năng trong hoạt động tạo hình xé dán</i>	Hoạt động học: Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. Hoạt động khác: Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.
MT155	<i>Có một số kĩ năng tổng hợp trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản</i>	Hoạt động khác: + Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để

	<i>phẩm đơn giản</i>	tạo ra sản phẩm đơn giản có sự gợi ý. + Xếp chồng, xếp cạnh để tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT156	<i>- Có kỹ năng xếp tạo tình đơn giản</i>	Hoạt động học: + Xếp chồng, xếp cạnh để tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản
MT157	<i>- Làm các động tác VĐTN đơn giản theo ý thích</i>	Mô phỏng được các động tác đơn giản khi nghe những bản nhạc quen thuộc
MT158	<i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật tạo hình</i>	Hoạt động khác: + Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. + Biết đặt tên cho sản phẩm của mình. + Nhận xét sản phẩm tạo hình.

2.2. Khối Chòi: Căn cứ vào mục tiêu và kết quả mong đợi của từng lĩnh vực trong Chương trình GDMN, khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp.

SỐ TT	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN	NỘI DUNG GIÁO DỤC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG		
1	-Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng, các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo hiệu lệnh.	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong các bài tập phát triển chung theo hiệu lệnh. + Tay: Đưa lên cao ra trước, sang 2 bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm mở bàn tay; Co duỗi tay, vỗ hai tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu) + Lung, bụng, lườn: Cúi về phía trước; ngửa người ra sau; quay sang trái, phải; nghiêng người sang trái, phải. + Chân: nhún chân; ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ; đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.
2	-Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên ghế thể dục	+ Bước đi liên tục trên ghế thể dục
3	-Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên vạch kẻ	+ Bước đi liên tục trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
4	-Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên ghế thể dục kết hợp đầu đội túi cát	+ Bước đi liên tục trên ghế thể dục đầu đội túi cát
5	-Khả năng vận động dẻo dai và điều chỉnh vận động của cơ thể	+ Đi kiễng gót, đi bằng gót chân
6	-Khả năng vận động dẻo dai và điều chỉnh vận động của cơ thể	+ Đi bước lùi 3m
7	-Khả năng vận động dẻo dai và điều chỉnh vận động của cơ thể	+ Đi bước dồn ngang
8	-Khả năng vận động dẻo dai và điều chỉnh vận động của cơ thể	+ Đi nối tiếp bàn chân lên phía trước (đi bước dồn trước)
9	-Kiểm soát được các vận động đi theo các hướng.	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh
10	-Kiểm soát được các vận động đi theo các hướng.	+ Đi thay đổi hướng (dích dắc) theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn).
11	-Kiểm soát được các vận động chạy theo đường dích dắc.	+ Chạy theo đường dích dắc
12	-Kiểm soát được các vận động chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	+ Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
13	-Kiểm soát được các vận động chạy chậm 60 -80m	+ Chạy chậm 60 – 80m
14	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập phối hợp bò zích zắc	+ Bò trong đường dích dắc
15	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập phối hợp bò – chui qua cổng	+ Bò chui qua cổng

16	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập phối hợp bò – chui qua ống dài	+ Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m.
17	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập phối hợp bò – chui, bật qua các ô	+ Bò chui qua cổng, kết hợp bật qua 5 ô
18	-Thực hiện được các động tác phối hợp bò bằng bàn tay và bàn chân.	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân (3-4m)
19	-Thực hiện được các động tác phối hợp trèo bằng bàn tay và bàn chân.	+ Trèo lên xuống thang
20	-Thực hiện được các động tác phối hợp trườn thấp..	+ Trườn thấp theo hướng thẳng
21	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động ném trúng đích nằm ngang	+ Ném trúng đích nằm ngang
22	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động ném trúng đích thẳng đứng	+ Ném trúng đích đứng
23	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động ném xa bằng 1 tay	+ Ném xa bằng 1 tay
24	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động ném xa bằng 2 tay	+ Ném xa bằng 2 tay
25	Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động ném qua đích nằm ngang.	+ Ném qua dây (cao 1,5m, xa 2m)
26	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động Tung – Bắt	+ Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay
27	-Thực hiện được các động tác phối hợp với cô và bạn vận động Tung – Bắt	+ Tung bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 2m)
28	-Thực hiện được các động tác phối hợp đập và bắt bóng	+ Đập bóng xuống sàn và bắt bóng khi bóng nảy lên
29	-Thực hiện được các động tác phối hợp chuyền và bắt bóng qua đầu	+ Chuyền, bắt bóng qua đầu
30	-Thực hiện được các động tác phối hợp chuyền và bắt bóng qua chân	+ Chuyền, bắt bóng qua chân
31	-Thực hiện được các động tác bật nhảy bật xa.	+ Bật xa 35-40cm
32	-Thực hiện được các động tác bật nhảy bật sâu.	+ Bật sâu 30-35cm
33	-Thực hiện được các động tác bật nhảy bật tách khếp chân.	+ Bật tách, khếp chân qua 5 - 7 ô
34	-Thực hiện được các động tác bật qua vật cản	+ Bật qua vật cản 10-15cm

35	-Thực hiện được các động bật liên tục về phía trước	+ Bật liên tục về phía trước
36	-Thực hiện được các động tác bật nhảy lò cò	+ Nhảy lò cò 1,5 m
37	-Thực hiện được các vận động của cổ tay.	+ Cuộn – xoay tròn cổ tay, gập, mở các ngón tay.
38	-Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay; phối hợp tay - mắt trong một số vận động tinh gập, xếp.	+ Gấp xếp giấy, gấp xếp quần áo + Biết tết sợi đôi.
39	-Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay; phối hợp tay - mắt trong một số vận động tinh xé, cắt, dán.	+ Xé, cắt, dán thành thạo theo đường thẳng.
40	-Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay; phối hợp tay - mắt trong một số vận động tinh tô, vẽ, đồ khảm	+ Tô, đồ, khảm, vẽ hình người, nhà, cây cối...
41	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay; phối hợp tay - mắt trong một số thao tác tự phục vụ	+ Tự cài, cởi cúc áo, buộc dây giày, kéo khóa (Pheo mớ tuya)....
42	-Biết một số món ăn hàng ngày, cách chế biến đơn giản.	+ Nói tên và cách chế biến đơn giản của một số món ăn hàng ngày: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo có thể nấu cơm, nấu cháo
43	-Biết một số thực phẩm cùng nhóm	+ Nhận biết những thực phẩm cùng nhóm trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) + Thịt cá...có nhiều chất đạm + Rau, quả chín có nhiều vitamin.
44	-Biết ích lợi của thức ăn đối với sức khỏe, biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	+ Nhận biết sự liên quan của việc ăn uống với bệnh tật.(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) + Lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất, biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng giúp cơ thể cao lớn, khỏe mạnh.
45	-Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	+ Tự lau mặt, đánh răng.
46	-Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh như rửa tay trước khi ăn...	+ Tự rửa tay bằng xà phòng
47	-Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở.	+ Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.
48	-Biết sử dụng dụng cụ ăn uống gọn gàng.	+ Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, không làm đổ thức ăn.
49	-Có một số hành vi tốt trong ăn uống	+ Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ + Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau; + Không uống nước lã + Không ăn những loại thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ, không uống rượu, bia, cà phê.
50	-Trẻ có một số hành vi tốt trong	+ Tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.

	vệ sinh phòng bệnh, giữ gìn sức khỏe và an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường với sức khỏe con người. + Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. + Đội mũ khi ra nắng, mặc ấm, đi tất khi trời lạnh, đi giày dép khi đi học + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, bị sốt... + Đi vệ sinh và bỏ rác đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi quy định.
51	-Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm	+ Nhận biết những đồ vật nguy hiểm như: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, ổ cắm điện, các vật sắc nhọn... là những vật dụng nguy hiểm, không đến gần, không nghịch.
52	-Nhận biết những nơi nguy hiểm, không được chơi gần	+ Biết những nơi như hồ, ao, ruộng nước, suối, bể lu, khay chứa nước...là nơi nguy hiểm không được chơi gần.
53	-Biết những hành động nguy hiểm	+ Biết tránh một số hành động nguy hiểm: (Không nói chuyện hoặc cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt; không tự lấy thuốc uống khi không được phép của người lớn;
54	-Biết những hành động nguy hiểm và phòng tránh	+ Không trèo cây, không trèo lên lan can lầu và bàn ghế;
55	-Biết những hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không nghịch các vật sắc nhọn, không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.
56	-Biết những hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không xuống hoặc chơi gần ao hồ, bể nước, giếng, cống...
57	-Biết những hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
58	+ Biết gọi người giúp đỡ.	+ Biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
59	+ Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	+ Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp như: Cháy, có người ngã xuống nước, bị đau, chảy máu...
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
60	-Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh	+ Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự hướng dẫn gợi ý của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?...
61	-Khám phá các bộ phận cơ thể, phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng	<ul style="list-style-type: none"> + Khám phá đặc điểm chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp các hành động như: Nhìn, nghe, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.
62	-Làm thử nghiệm đơn giản; nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> + Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu, đường, muối vào nước, dự đoán, so sánh kết quả... + Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi: Ví dụ: Cho thêm đường/ muối nên nước mặn/ ngọt hơn.
63	-Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết các vấn đề đơn giản.	+ Sử dụng các thức thích hợp để giải quyết các vấn đề đơn giản ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô chạy nhanh hơn, bỏ thêm đồ vào đĩa cân để cân thăng bằng, cho thêm đường để

		nước ngọt hơn...
64	-Thu thập thông tin về đối tượng	+ Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh, ảnh, nhận xét và trò chuyện..
65	-Biết phân loại đối tượng	+ Phân loại các đối tượng theo một hoặc 2 dấu hiệu. + Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
66	-Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	+ Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình thông qua vai chơi, ca nhạc và các sản phẩm tạo hình.
67	-Quan tâm khám phá các đồ dùng, đồ chơi	+ Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự giống, và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi + Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
68	-Thể hiện sự hiểu biết về các phương tiện giao thông;	+ Đặc điểm, công dụng, nơi hoạt động của một số phương tiện giao thông và phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu.
69	-Thể hiện sự hiểu biết về một số quy định, luật giao thông.	+ Một số quy định của luật giao thông. + Đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe gắn máy.
70	-Thể hiện sự hiểu biết về một số biển báo giao thông.	+ Các biển báo giao thông quen thuộc.
71	-Khám phá một số động vật quen thuộc.	+ Đặc điểm nổi bật của con vật gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + So sánh sự khác nhau giống nhau của 2 con vật + Phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật
72	-Khám phá một số cây quen thuộc.	+ Đặc điểm nổi bật của cây gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + So sánh sự khác nhau giống nhau của 2 cây + Phân loại cây theo 1-2 dấu hiệu + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây cối.
73	-Khám phá một số hoa quen thuộc.	+ Đặc điểm nổi bật của hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + So sánh sự khác nhau giống nhau của hoa + Phân loại hoa theo 1-2 dấu hiệu

		+ Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa hoa với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ hoa
74	-Khám phá một số quả quen thuộc.	+ Đặc điểm nổi bật của quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + So sánh sự khác nhau giống nhau của 2 quả + Phân loại quả theo 1-2 dấu hiệu + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa quả với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây quả
75	-Khám phá một số hiện tượng thiên nhiên: thời tiết.	+ Khám phá một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi.
76	-Khám phá một số hiện tượng thiên nhiên: các mùa trong năm.	+ Nhận biết và gọi được tên bốn mùa.
77	- Khám phá ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	+ So sánh sự khác nhau giữa ngày và đêm.
78	-Khám phá nguồn gốc, đặc điểm và công dụng của nước.	+ Các nguồn nước trong môi trường sống. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối. + Một số đặc điểm tính chất của nước. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước sạch.
79	-Trẻ khám phá đặc điểm ích lợi của không khí, ánh sáng	+ Khám phá sự kỳ diệu của không khí. + Các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây cối.
80	-Trẻ khám phá một số loại đất, cát sỏi thiên nhiên.	+ Khám phá một vài đặc điểm, tính chất của đất đá, cát, sỏi.
81	-Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hay hỏi về số lượng như: Bao nhiêu? Là số mấy? Phần nào nhiều hơn? Ít hơn? Cái nào to hơn?, Nhỏ hơn?...
82	-Làm quen với tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. + Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự từ 1-5 + Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.
83	-So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10	+ So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn...
84	-Xếp tương ứng từng đôi một	+ Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.
85	-Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng 5	+ Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.
86	-Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn trong phạm vi 5.	+ Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
87	-Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	+ Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, số xe, số thứ tự, số trên đồng hồ...)
88	-So sánh, sắp xếp các đối tượng theo quy tắc chung.	+ So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. + Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.
89	-Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói	+ Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo, đo bằng hai đơn vị đo khác nhau.

	kết quả và so sánh.	+ Đo dung tích của 2 đối tượng bằng một đơn vị đo.
90	-Nhận biết và phân biệt hình dạng	+ So sánh, chỉ ra các điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 hình: Hình vuông – chữ nhật; hình tròn và hình tam giác.
91	-Ghép các hình thành hình mới	+ Ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. + Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.
92	-Xác định hướng trong không gian và thời gian (trước, sau)	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước-phía sau); + Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.
93	-Xác định hướng trong không gian và thời gian (trên – dưới)	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên – phía dưới)
94	-Xác định hướng trong không gian và thời gian (tay trái, tay phải).	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (tay trái – tay phải)
95	-Xác định hướng trong không gian và thời gian (phía trái, phía phải)	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía phải – phía trái)
96	-Xác định hướng trong không gian và thời gian (các buổi trong ngày)	+ Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày
97	-Trẻ khám phá bản thân.	+ Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
98	-Trẻ khám phá trường lớp mầm non, cộng đồng (các cô bác trong trường)	+ Nói tên lớp của bé, tên và công việc của cô giáo và các cô, bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
99	-Trẻ khám phá trường lớp mầm non, cộng đồng (các bạn)	+ Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường khi được hỏi, trò chuyện.
100	-Trẻ khám phá gia đình	+ Họ tên, công việc của bố, mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.
101	-Trẻ khám phá nhu cầu gia đình	- Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
102	-Trẻ khám phá một số nghề quen thuộc gần gũi.	+ Tên gọi, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi..... của các nghề phổ biến, nghề khi được hỏi, trò chuyện.
103	-Trẻ khám phá một số danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.	+ Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. + Kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội và một vài di tích, danh lam thắng cảnh ở địa phương
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
104	-Hiểu các yêu cầu, nội dung giao tiếp hằng ngày.	+ Hiểu và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp.
105	-Nghe và hiểu các yêu cầu	+ Nghe và hiểu nội dung các câu đơn giản,
106	-Nghe và hiểu các yêu cầu, nội dung giao tiếp hằng ngày.	+ Nghe và hiểu nội dung các câu mở rộng, câu phức, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.
107	-Lắng nghe và trao đổi nội dung giao tiếp hằng ngày.	+ Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.

108	-Nghe, hiểu nghĩa các từ khái quát.	+ Các từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, đồ kim loại...
109	-Nghe, hiểu nghĩa các từ tính chất.	+ Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, các từ biểu cảm.
110	-Nghe, hiểu nội dung câu chuyện.	+ Nghe hiểu nội dung truyện kể, chuyện đọc phù hợp với độ tuổi và đặt câu hỏi theo nội dung truyện.
111	-Nghe các bài hát, ...phù hợp độ tuổi	+ Nghe các bài hát, phù hợp với độ tuổi.
112	-Nghe các thơ, ca dao ...phù hợp độ tuổi	+ Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
113	-Nói rõ, phát âm rõ các tiếng chứa âm khó	+ Phát âm được các tiếng có chứa các âm khó.
114	-Nói rõ để người nghe có thể hiểu được,	+ Nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
115	-Biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu bản thân	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
116	-Trẻ sử dụng được từ ngữ trong giao tiếp hằng ngày.	+ Sử dụng đúng các từ biểu thị sự lễ phép như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi..trong giao tiếp.
117	-Trẻ sử dụng được từ ngữ, trả lời và đặt câu hỏi phù hợp trong giao tiếp hằng ngày.	+ Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “Để làm gì?”
118	-Trẻ sử dụng được nét mặt, cử chỉ, giọng điệu phù hợp trong giao tiếp hằng ngày.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. + Điều chỉnh ngữ điệu giọng phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
119	-Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...,	+ Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...,
120	-Sử dụng được các câu.	+ Sử dụng được các loại câu đơn,
121	-Sử dụng các loại câu khó hơn (câu ghép, câu phủ định..)	+ Sử dụng được các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.
122	-Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, kể chuyện theo hướng dẫn của người lớn.	+ Đọc thuộc lòng các bài thơ ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với lứa tuổi.
123	-Kể chuyện theo hướng dẫn của người lớn.	+ Kể lại chuyện đã được nghe; + Kể chuyện có mở đầu, kết thúc. + Bắt trước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong chuyện : đóng kịch.
124	-Kể chuyện, mô tả lại chuyện theo hướng dẫn của người lớn.	+ Mô tả lại sự vật, hiện tượng trong tranh, ảnh.
125	-Kể chuyện trình tự theo hướng dẫn của người lớn.	+ Kể lại sự việc đơn giản theo trình tự thời gian.
126	-Làm quen với đọc – viết.	+ Mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh
127	-Làm quen với đọc sách.	+ Xem và đọc các loại sách khác nhau. + Làm quen với các đọc và viết tiếng Việt: cầm sách đúng chiều, hướng đọc viết từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; hướng viết của các chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
128	-Trẻ làm quen với sách	+ Chọn sách để xem + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + Cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh, ảnh “Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)

		+ Giữ gìn bảo vệ sách.
129	-Trẻ làm quen với sách, mô tả các hành động của nhân vật	+ Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh
130	-Nhận ra các ký hiệu thông thường trong cuộc sống	+ Nhận ra các ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, cấm lửa, lối ra, nơi nguy hiểm...)
131	-Biết sử dụng ký hiệu.	+ Sử dụng ký hiệu để viết: Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
132	-Thể hiện ý thức về bản thân.	+ Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân. + Biết được sở thích và khả năng của bản thân: Nói được những điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.
133	-Thể hiện ý thức về người thân.	+ Nói được tên bố, tên mẹ. + Yêu mến, quan tâm đến người thân và bạn bè.
134	-Thể hiện sự tự tin.	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích
135	-Thể hiện sự tự lực.	+ Cố gắng hoàn thành công việc được giao như (Trực nhật, dọn đồ chơi...)
136	-Trẻ nhận biết cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
137	-Trẻ thể hiện, biểu lộ cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh	+ Biểu lộ trạng thái, cảm xúc, tình cảm qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
138	-Thể hiện tình cảm với Bác Hồ	+ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ + Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
139	-Thể hiện tình cảm với quê hương, đất nước	+ Biết một vài di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
140	-Biết những hành vi và quy tắc	+ Thực hiện được một số quy định ở lớp, ở trường, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường, vâng lời ông, bà, cha, mẹ, cô giáo.)
141	-Biết lắng nghe, ứng xử xã hội phù hợp.	+ Chú ý lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
142	-Có những hành vi và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp.	+ Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép
143	-Có những hành vi và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp.	+ Quan tâm giúp đỡ bạn.
144	-Phân biệt được những hành vi và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp.	+ Phân biệt hành vi “Đúng – sai; tốt - xấu”
145	-Biết hợp tác với bạn	+ Chờ đến lượt khi được nhắc nhở, hợp tác.
146	-Biết phối hợp cùng bạn.	+ Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật, dọn đồ chơi...) + Biết làm việc cá nhân và phối hợp với bạn
147	-Quan tâm đến môi trường (chăm sóc cây)	+ Thích chăm sóc cây cối,
148	-Quan tâm đến môi trường (con vật)	+ Thích chăm sóc con vật thân thuộc.
149	-Quan tâm đến môi trường (bảo vệ môi trường)	+ Bỏ rác đúng nơi quy định

150	-Quan tâm đến môi trường (hoa)	+ Không hái hoa, bẻ cành.
151	-Quan tâm đến môi trường (tiết kiệm điện nước)	+ Không để tràn nước khi rửa tay. + Biết tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
152	-Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống xung quanh.	+ Vui thích ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, sử dụng được các câu, từ mô tả cảnh đẹp khi được quan sát.
153	-Cảm nhận trước vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật	+ Nhận ra vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm nghệ thuật.
154	-Thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật	+ Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ, sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng...của các tác phẩm tạo hình.
155	-Cảm nhận trước các thể loại âm nhạc.	+ Vui sướng vỗ tay và làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc
156	-Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước các thể loại âm nhạc.	+ Chú ý nghe, thích thú (Hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc;
157	-Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước các bài thơ ca, tục ngữ, các câu chuyện	Thích nghe và đọc diễn cảm các bài thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể diễn cảm các câu chuyện
158	-Có một số kỹ năng nghe hát trong hoạt động âm nhạc	+ Chú ý nghe các loại nhạc khác nhau phù hợp với độ tuổi như (nhạc thiếu nhi, dân ca, hát ru,...)
159	-Có một số kỹ năng hát trong hoạt động âm nhạc	+ Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...
160	-Có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (vận động theo nhạc)	+ Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).
161	-Có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe hát, vận động theo nhạc)	+ Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm.
162	-Có một số kỹ năng tạo hình đơn giản trong hoạt động tạo hình Vẽ, tô màu tạo thành sản phẩm đơn giản.	+ Sử dụng một số kỹ năng vẽ và tô màu, vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục hài hòa.
163	-Có kỹ năng nhận xét sản phẩm	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.
164	-Có một số kỹ năng cắt, xé, dán, xếp hình...tạo thành sản phẩm đơn giản.	+ Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
165	-Có một số kỹ năng tạo hình đơn giản trong hoạt động tạo hình xé, cắt theo đường cong và dán ...tạo thành sản phẩm đơn giản.	+ Xé, cắt theo đường thẳng, cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.

166	-Có một số kỹ năng nặn tạo hình đơn giản trong hoạt động tạo hình tạo thành sản phẩm đơn giản.	+ Sử dụng một số kỹ nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
167	-Có một số kỹ năng nặn tạo hình đơn giản (làm lõm,..).	+ Làm lõm, dô bẹt, bẻ loe, uốn cong, vuốt nhọn đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
168	-Có một số kỹ năng phối hợp các nguyên vật liệu để tạo sản phẩm	+ Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
169	-Có một số kỹ năng bố trí sắp xếp bố cục tác phẩm tạo hình đơn giản tạo thành sản phẩm đơn giản hài hòa về màu sắc, bố cục..	+ Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có màu sắc, hình dáng khác nhau.
170	- Có kỹ năng nhận xét đánh giá tác phẩm nghệ thuật, các sản phẩm của trẻ và các bạn	Chỉ và nói được những những đặc điểm nổi bật trong tác phẩm, nói được ý tưởng của bản thân
171	-Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc.	+ Lựa chọn, và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.
172	-Trẻ biết chọn dụng cụ khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu.
173	-Trẻ biết chọn dụng cụ khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo tiết tấu bài hát.
174	-Trẻ biết chọn dụng cụ khi tham gia các hoạt động nghệ thuật tạo hình.	+ Tự chọn dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
175	-Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật tạo hình.	+Nói được ý tưởng tạo hình của mình + Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
176	-Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi đặt tên cho sản phẩm	+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 - 2024
MẪU GIÁO LỚN 5-6 TUỔI
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC HOÀ

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất		
a) Phát triển vận động		
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp, bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Hoạt động khác: * Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời theo nhịp đếm, bài hát, dụng cụ thể dục. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân, hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao -Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau, kết hợp 2 tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái, phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, trái + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, trái. -Chân: + Đưa ra trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên, đưa 1 chân về phía trước, một chân về sau.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động		
MT2	- Thực hiện được kỹ năng đi khéo léo bước theo một đường thẳng.	Hoạt động học: - Đi trên dây (3-4m)
MT3	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian 10 giây	- Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Nhảy lò cò tự do 5 m - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m – 5m, rộng 40cm
MT4	- Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Trườn chui dây cao 40cm - Tung bóng lên cao và bắt bóng
MT5	- Thực hiện được động tác phối hợp bò cao, bò thấp chui qua ống	- Trèo lên xuống 7 gióng thang - Đi nổi bàn chân tiên lùi
MT6	- Thực hiện được kỹ năng trườn	- Chạy chậm 100 -120m - Nhảy lò cò 5m theo TC
MT7	- Thực hiện được các kỹ năng tung, đập và bắt bóng bằng hai tay	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1.5m* 30cm - Bò thấp chui qua ống dài 1,5m*0.6m
MT8	- Thực hiện được kỹ năng trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	- Đi trên băng ghế TD (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật đội trên đầu. - Chạy liên tục khoảng 100m - 150 không hạn chế thời gian.
MT9	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi nổi bàn chân tiên lùi	- Bật liên tục vào 7 vòng - Bò zích zắc qua 7 điểm cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. - Bò, trườn zích zắc qua 7 điểm theo trò chơi
MT10	Chạy chậm được 100 -120m không hạn chế thời gian.	- Chạy nhanh – chậm thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Bật qua vật cản cao 15-20cm

MT11	- Thể hiện sự nhanh - mạnh- khéo khi thực hiện động tác phối hợp nhảy lò cò- bật qua vật cản	- Nhảy bật sâu từ trên cao xuống 35 cm – 40cm - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay
MT12	- Thực hiện được động tác phối hợp trườn trèo qua ghế dài 1.5m* 30cm	- Đập - bắt bóng tại chỗ - Bật xa 40-50cm - Đi vừa đập bắt bóng
MT13	- Thực hiện được động tác bò thấp chui qua ống	- Ném trúng đích đứng thẳng (xa 2m x cao 1,5m) theo trò chơi - Chuyển bóng qua đầu qua chân theo trò chơi
MT14	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động đi băng ghế TD	- Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm - Ném trúng đích nằm ngang xa 2m - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay theo trò chơi
MT15	- Chạy liên tục khoảng 150m không hạn chế thời gian	- Bật qua vật cản cao 15 – 20cm kết hợp bò zích zắc - Bật tách khớp chân kết hợp bò chui qua cổng
MT16	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng nhảy - bật	- Chạy theo đường zíc zắc, vượt qua chướng ngại vật cao 25cm. - Trèo lên xuống 7 gióng thang bò chui qua cổng theo trò chơi - Ném và bắt bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 4m)
MT17	- Thực hiện được động tác bò vòng qua 7 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	
MT18	- Thực hiện được động tác bò, trườn vòng qua 7 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	
MT19	- Chạy đổi hướng nhanh, chậm theo hiệu lệnh.	
MT20	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng nhảy - bật	
MT21	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng nhảy - bật sâu	
MT22	- Ném trúng đích đứng thẳng (xa 2m x cao 1,5m)	
MT23	- Ném trúng đích đứng thẳng (xa 2m x cao 1,5m)	
MT24	- Thực hiện được các kỹ năng tung, đập và bắt bóng bằng hai tay	
MT25	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng nhảy - bật xa	
MT26	- Thực hiện được các kỹ năng Tung, đập và bắt bóng bằng hai tay	
MT27	- Ném trúng đích đứng thẳng (xa 2m x cao 1,5m)	
MT28	- Thực hiện được các kỹ năng ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m	
MT29	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng nhảy xuống từ độ cao 40cm	
MT30	- Ném trúng đích ngang xa 2m	
MT31	- Ném trúng đích đứng thẳng (xa 2m x cao 1,5m)	
MT32	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng	

	<i>bật cao- bò</i>	
MT33	- Thể hiện sự nhanh - manh- khéo khi thực hiện động tác phối hợp bật và bò	
MT34	- Chạy zích zắc kết hợp vượt chướng ngại vật.	
MT35	- Thể hiện sự nhanh - manh- khéo khi thực hiện động tác phối hợp trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất kết hợp bò chui qua cổng	
MT36	-Thực hiện được kỹ năng ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m	
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
MT37	- Thực hiện được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ.	Hoạt động học: - Bê, nắn, xé, cắt đường vòng cung, đường viền của tranh/hình vẽ.
MT38	- Sao chép được các chữ số, chữ cái.	- Lắp ráp các hình, xuyên lỗ các hạt. - Tự cài, cởi cúc áo, quần, kéo khoá, buộc dây giày. - Tô đồ theo nét, sao chép được các chữ cái, chữ số.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT39	- Nhận biết, làm quen nhóm thực phẩm giúp cơ thể khỏe mạnh	Hoạt động học: - Nhận biết tên gọi và phân loại thực phẩm theo các nhóm: nhóm giàu chất đạm, nhóm giàu chất béo, nhóm giàu chất bột đường, nhóm giàu vitamin và muối khoáng.
MT40	- Biết và kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Nguồn gốc của các loại thực phẩm
MT41	- Biết 1 số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản.	- Nhận biết các thực phẩm khác nhau về kích thước, mùi vị, hình dạng, trạng thái,...
MT42	- Lợi ích của thực phẩm đối với sức khỏe con người	- Làm quen một số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản.
MT43	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...)	- Trẻ có thói quen ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Cần ăn uống đầy đủ, hợp lý, sạch sẽ - Ăn các loại thực phẩm có lợi cho sức khỏe Ăn ít, ăn thiếu một số loại thức ăn, ăn không sạch sẽ sẽ bị suy dinh dưỡng, bệnh tật. - Không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt, đồ béo. - Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh, ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh, không uống nước lã. Hoạt động khác: - Nói được tên các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hằng ngày ở trường, ở nhà , - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, cách chế biến một số món ăn đơn giản
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT44	- Trẻ biết được ích lợi của việc rửa tay giữ gìn đôi bàn tay sạch sẽ và rửa tay đúng cách	Hoạt động khác: - Thói quen tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn, rửa tay đúng cách theo 6 bước.

MT45	- Trẻ biết được ích lợi của việc giữ gìn mặt mũi sạch sẽ và lau mặt bằng khăn ướt đúng cách	- Ích lợi của việc giữ gìn đôi tay sạch sẽ. - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự lau mặt bằng khăn ướt hàng ngày.
MT46	- Có thói quen việc giữ gìn mặt mũi sạch sẽ và lau mặt khi có mồ hôi đúng cách.	- Ích lợi của vệ sinh mặt sạch sẽ - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự lau mặt khi có mồ hôi hàng ngày.
MT47	- Có thói quen giữ đầu tóc gọn gàng và có thói quen chải đầu	- Ích lợi của vệ sinh mặt sạch sẽ - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự chải đầu hàng ngày.
MT48	- Có thói quen tự đi dép, guốc, giày	- Ích lợi của việc giữ gìn đầu tóc gọn gàng. - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự đi dép, guốc, giày hàng ngày.
MT49	- Biết rửa chân khi chân dơ và giữ gìn tay chân sạch sẽ	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự rửa chân (khi chân dơ) hàng ngày.
MT50	- Có thói quen rửa ca cốc sạch sẽ	- Ích lợi của việc giữ gìn đôi chân sạch sẽ. - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự rửa ca cốc hàng ngày.
MT51	- Biết tự mặc áo, cởi áo, cài nút áo	- Ích lợi của việc giữ gìn ca cốc sạch sẽ. - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự mặc áo, cởi áo, cài nút áo hàng ngày.
MT52	- Biết giữ quần áo sạch sẽ và xếp quần áo đúng cách, gọn gàng.	- Ích lợi của việc giữ gìn quần áo sạch sẽ. - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự xếp quần áo hàng ngày.
MT53	- Biết phụ giúp cô lau bàn ghế, biết ích lợi của việc giữ bàn ghế sạch sẽ	- Ích lợi của việc giữ gìn bàn ghế sạch sẽ. - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự lau bàn ghế hàng ngày.
MT54	- Biết giữ răng miệng sạch sẽ và súc miệng đánh răng đúng cách. Biết ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh răng miệng.	- Ích lợi của việc tự mặc áo, cởi áo, cài nút áo. - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự súc miệng- đánh răng hàng ngày.
MT55	- Trẻ biết sử dụng thành thạo đồ dùng trong ăn uống	- Ích lợi của việc giữ quần áo sạch sẽ, xếp quần áo gọn gàng. - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự lau bàn ghế hàng ngày
MT56	- Biết giữ gìn mũi sạch sẽ và chùi mũi (khi có mũi) đúng cách	- Ích lợi của việc giữ bàn ghế sạch sẽ. - Tập luyện kỹ năng và thói quen tự súc miệng- đánh răng hàng ngày.

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

MT57	- Biết chọn thực phẩm, ăn thức ăn sạch và bảo quản thực phẩm một cách đơn giản	Hoạt động học: - Chọn thực phẩm sạch, ngon. - Ăn chín uống sôi; ăn chậm nhai kỹ, không làm rơi vãi thức ăn.
MT58	- Sử dụng trang phục phù hợp theo mùa.	- Thức ăn phải được đựng trong đồ dùng sạch, cất và đậy cẩn thận. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết theo mùa.
MT59	- Có một số thói quen giữ gìn vệ sinh chung.	- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Không vứt rác hoặc khạc nhổ bừa bãi, biết thu dọn đồ dùng đồ chơi gọn gàng, lấy cát đúng nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
MT60	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập, tính tập trung chú ý. - Tham gia các hoạt động có chủ đích

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

MT61	- Biết bảo vệ an toàn cho bản thân	Hoạt động học:
------	------------------------------------	-----------------------

	<i>và mọi người, phân biệt được các hành động đúng, sai.</i>	- Nhận biết và không chơi ở những nơi không an toàn, mất vệ sinh như: gần ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, khu chăn nuôi, bãi rác ... - Phân biệt được hành động đúng -sai. - Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như : Cây nhọn, kim, thủy tinh, dao., kéo.. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, leo trèo cây, ban công, tường rào... - Ý thức trong việc bảo vệ an toàn - Biết được hành động đúng , hành động sai
MT62	<i>- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm, phân biệt được các hành động đúng, sai.</i>	
5. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi		
MT63	<i>Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</i>	Hoạt động khác: - Tham gia các hoạt động ăn, ngủ, vận động, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và an toàn.
II. Giáo dục phát triển nhận thức		
a) Khám phá khoa học		
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT64	<i>- Biết xem xét và tìm hiểu các sự vật, hiện tượng</i>	Hoạt động học: - Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận - Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét, thảo luận - Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau - Phân loại các đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau - Biết tên gọi, đặc điểm các loại mưa: mưa đá, mưa phùn, mưa rào, mưa lác rác, mưa như rút nước, - Hiện tượng khi trời sắp mưa. - Cách ứng xử khi trời mưa - Quá trình hình thành mưa
MT65	<i>Biết tên gọi, đặc điểm, hiện tượng khi trời sắp mưa, cách ứng xử khi trời mưa và biết vì sao trời mưa</i>	
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT66	<i>-Hiểu nguyên nhân những hiện tượng đơn giản, phán đoán, suy luận, giải thích</i>	Hoạt động học: - Hiểu nguyên nhân những hiện tượng đơn giản xung quanh, biết đặt câu hỏi: Tại sao? Và đưa ra phán đoán, suy luận, giải thích.
MT67	<i>- Nhận biết mối quan hệ của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i>	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng - Giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
MT68	<i>- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i>	Hoạt động học: - Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động: âm nhạc, vui chơi, tạo hình - Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó. - Chủ động đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát... - Thích làm một số thí nghiệm - Thích quan sát sự biến đổi, phát triển của các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Quan sát và phân tích đơn giản một số hiện tượng xảy ra trong
MT69	<i>- Thích đặt câu hỏi; thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.</i>	
MT70	<i>- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.</i>	

		<p>sinh hoạt hàng ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết giải thích nguyên nhân dẫn đến kết quả của một số sự vật, sự việc xảy ra.
Khám phá khoa học		
MT71	<i>- Biết đặc điểm phát triển của một số loại cây xanh; Phân nhóm cây cối theo đặc điểm chung.</i>	<p>Hoạt động học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số đặc điểm, ích lợi của cây, rau xanh, hoa, quả, quen thuộc.
MT72	<i>- Biết đặc điểm phát triển của một số con vật, chia nhóm theo đặc điểm chung.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự giống và khác nhau của một số loại cây, rau xanh, hoa, quả. - Phân loại cây, rau xanh, hoa quả, theo 2 – 3 đặc điểm/dấu hiệu chung.
MT73	<i>Trẻ biết được một số hiện tượng thiên nhiên mây mưa, sấm, chớp, mặt trời, mặt trăng, ngày đêm...Biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra; Có ứng xử phù hợp.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây, rau xanh, hoa, quả. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, hoa, quả, rau xanh với môi trường sống. - Cách trông chăm sóc, bảo vệ cây cối.
MT74	<i>Biết tên gọi vòng tuần hoàn của nước, một số tính chất và ích lợi của nước, không khí với môi trường</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số đặc điểm, ích lợi của các con vật với con người và môi trường. - So sánh sự giống và khác nhau của một số loài vật. - Phân con vật theo 2 – 3 đặc điểm/dấu hiệu chung.
MT75	<i>- Biết tên và nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. Có những ứng xử và các hoạt động phù hợp theo mùa, thời tiết.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường sống, tập tính của một số động vật. - Cách chăm sóc bảo vệ các con vật quen thuộc, không chọc phá các con vật, tránh xa những con vật nguy hiểm. - Một số hiện tượng thời tiết, đặc điểm của một số hiện tượng thời tiết nổi bật mây mưa, sấm, chớp.
MT76	<i>Biết tên và nói được một số đặc điểm nổi bật của mùa hè Có những ứng xử và các hoạt động phù hợp vào mùa hè</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, núi lửa, mưa đá... - Nhận biết một số hiện tượng sắp có mưa như : Mây đen, gió to, trời sầm tối, sấm chớp... - Trời nắng: Bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời... - Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. - Ứng xử phù hợp với các hiện tượng thời tiết. - Mùa xuân:Nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẻ. - Mùa hè: Nắng, gió, oi bức, có nhiều hoa phượng nở. có một số trái cây đặc trưng vào mùa hè - Mùa thu: Bầu trời trong xanh gió mát, có ngày nắng ngày mưa, mùa bé tựu trường... - Mùa đông: Trời se lạnh, trong mùa đông có lễ Noel. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây cối theo mùa. - Biết ăn mặc phù hợp theo mùa và thời tiết. Biết ăn uống, giữ gìn vệ sinh và sức khỏe theo mùa thời tiết. - Mùa hè: là mùa nóng,oi bức nhất trong năm, nhiều hoa phượng nở, có tiếng ve kêu. Là mùa nghỉ ngơi của các cô, cậu học trò. - Trẻ biết mặc trang phục phù hợp thời tiết, biết ăn uống và vệ sinh cá nhân thường xuyên. Mùa hè thường đi nghỉ mát, đi tắm biển... <p>Hoạt động khác:</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối.
--	--	--

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Nhận biết số đếm, số lượng

MT77	<i>Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi.</i>	Hoạt động học:
MT78	<i>Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 4</i>	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “ bao nhiêu? “ đây là mấy ?”
MT79	<i>Biết đếm và so sánh, tách gộp số lượng trong phạm vi 4</i>	- Trẻ thuộc số đếm, đếm đúng, đếm không lặp lại, không bỏ sót số lượng trong phạm vi 4
MT80	<i>Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 5</i>	- Đếm, so sánh, tách gộp số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 4
MT81	<i>Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 5</i>	- Trẻ thuộc số đếm, đếm đúng, đếm không lặp lại, không bỏ sót số lượng trong phạm vi 5
MT82	<i>Biết thêm 1 trong phạm vi 5</i>	- Trẻ thuộc số đếm, đếm đúng, đếm không lặp lại, không bỏ sót số lượng trong phạm vi 5
MT83	<i>Nhận biết ý nghĩa của các con số</i>	- Đếm, so sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 5
MT84	<i>Biết tách gộp 5 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách.</i>	- Thêm 1 trong phạm vi 5
MT85	<i>Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 6</i>	- Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...).
MT86	<i>Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 6</i>	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách.
MT87	<i>Biết tách gộp 6 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách.</i>	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
MT88	<i>Nhận biết, con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 7</i>	- Đếm trong phạm vi 6 và đếm theo khả năng
MT89	<i>Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 7</i>	- Nhận biết ý nghĩa của con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
MT90	<i>Biết thêm 2 trong phạm vi 7</i>	- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 6.
MT91	<i>Biết tách 7 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách</i>	- Nhận biết số 6 và sử dụng số 6 để chỉ số lượng và số thứ tự trong phạm vi 6
MT92	<i>Nhận biết, đếm con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 8</i>	- Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 6
MT93	<i>Biết tách 8 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.</i>	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách.
MT94	<i>Biết bớt tùy ý và đếm số lượng trong phạm vi 8. Biết thêm đủ số lượng trong phạm vi 8</i>	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
MT95	<i>Biết bớt 1 hình và nói số lượng tương ứng.</i>	- Đếm trong phạm vi 7 và đếm theo khả năng.
MT96	<i>Nhận biết, tạo nhóm con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 9</i>	- Nhận biết ý nghĩa của con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

MT97	- <i>Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 9</i>	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
MT98	- <i>Biết bớt và phân loại và đếm trong phạm vi 9</i>	- So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 8 - Bớt tùy ý và đếm số lượng trong phạm vi 8. Thêm đủ số lượng trong phạm vi 8
MT99	- <i>Biết tách 9 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.</i>	- Gạch bỏ 1 hình và nói số lượng tương ứng. - Đếm trong phạm vi 9 và đếm theo khả năng.
MT100	- <i>Nhận biết, tạo nhóm con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10</i>	- Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
MT101	- <i>Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 10</i>	- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 9. - Nhận biết số 9 và sử dụng số 9 để chỉ số lượng và số thứ tự trong phạm vi 9.
MT102	- <i>Biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.</i>	- Đếm, so sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 9 - Bớt và phân loại và đếm trong phạm vi 9 - Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 9 - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. - Nhận biết số 10 và sử dụng số 10 để chỉ số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Đếm, so sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10 - Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10
2. Sắp xếp theo quy tắc		
MT103	- <i>Nhận ra một số quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.</i>	Hoạt động học: - Nhận ra quy tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. Hoạt động khác: - Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự, quy tắc nhất định.
MT104	- <i>Nhận ra một số quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.</i>	
MT105	- <i>Nhận ra một số quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.</i>	
3. So sánh hai đối tượng		
MT106	- <i>Sử dụng được một số dụng cụ để đo độ dài ngắn, cao thấp... so sánh và nói kết quả.</i>	Hoạt động học: - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
MT107	- <i>Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong, so sánh và nói kết quả.</i>	
4. Nhận biết hình dạng		
MT108	- <i>Nhận ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.</i>	Hoạt động học: - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
MT109	- <i>Nhận dạng và tạo ra một số hình học bằng nhiều cách khác nhau</i>	

5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT110	- Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật chuẩn.	Hoạt động học: - Xác định và nói được vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT111	-Biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự – Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày	- Biết sử dụng các từ chỉ thời gian hôm qua, hôm nay, ngày mai, sáng, trưa, chiều, tối. - Biết gọi tên các thứ, ngày trong tuần .
MT112	-Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	- Nhận biết chữ số biểu thị tên gọi của các thứ/ngày trong tuần. - Phân biệt được các sự kiện diễn ra trong ngày/ tuần. - Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lịch. - Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ.
c) Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT113	- Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	Hoạt động học: - Giáo dục trẻ có thói quen xin phép cô, ba - mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà. không theo người lạ mặt.
MT114	- Biết một số thông tin quan trọng về gia đình	- Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi... chỉ, số điện thoại, nghề nghiệp sở thích của các thành viên trong gia đình.
MT115	- Biết tên gọi, đặc điểm, chức năng của các bộ phận của bản thân. Biết cách ứng xử phù hợp với giới tính. Biết sở thích của bản thân, bạn bè.	- Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn)....
MT116	- Biết tên gọi và đặc điểm của các loại đồ dùng đồ chơi có trong trường, nhóm, lớp. - Biết tên gọi và đặc điểm công việc của các thành viên trong trường.	- Biết được một số nhu cầu về gia đình: ăn uống, vui chơi, nhà ở, mua sắm, giải trí, quan tâm, chăm sóc, tình cảm... của các thành viên trong gia đình. - Biết tên gọi, đặc điểm, chức năng của các bộ phận của bản thân.
MT117	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	- Biết một số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai. Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính.
MT118	- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Biết sở thích của bản thân, bạn bè. - Tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo, công dụng và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi.
MT119	Thể hiện sự hiểu biết về trường tiểu học	- Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Tên gọi và đặc điểm công việc của các thành viên trong trường. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 đặc điểm/dấu hiệu chung. - Tên gọi và đặc điểm công việc của các thành viên trong trường. - Tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo, công dụng và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi. - Mối liên hệ đơn giản, sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. -tên gọi, đặc điểm công việc của các thành viên trong trường - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ

		<p>như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, động vật cắn, ong đốt, điện giật, đau, chảy máu, bị sốt, bị lạc đường...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm. - Đặc điểm trường tiểu học và các phòng học - Trang phục, thời gian, các hoạt động, nề nếp của học sinh tiểu học - Đồ dùng, dụng cụ của học sinh lớp 1 <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: Ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi... - Không đến gần người đang hút thuốc lá, biết động viên người thân trong gia đình không nên hút thuốc lá sẽ bị bệnh.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT120	- <i>Hiểu biết về một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội và nơi trẻ sống.</i>	<p>Hoạt động học:</p> <p>Tên gọi, công cụ, việc làm và sản phẩm của một số nghề trong xã hội, địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của các nghề quen thuộc, nghề truyền thống ở địa phương.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT121	<i>Nhận biết một số danh lam, thắng cảnh</i> -	<p>Hoạt động học:</p> <p>Kể tên và nêu nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, nét đặc trưng của quê hương, đất nước.</p>
MT122	<i>Nhận biết một số lễ hội</i> -	<p>Kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội (Ngày giải phóng miền nam 30/4, ngày quốc tế lao động 1/5 cả xóm đều treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm, em được đi chơi)</p>
Khám phá xã hội		
MT123	- <i>Thể hiện sự hiểu biết về đặc điểm của một số phương tiện giao thông</i>	<p>Hoạt động học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng, môi trường hoạt động của một số loại phương tiện giao thông. - Người trực tiếp tham gia điều khiển các phương tiện giao thông. - Phân loại phương tiện theo 2 – 3 đặc điểm/dấu hiệu chung. - Một số quy định an toàn giao thông - Một số luật giao thông đường bộ. - Biết được những hành vi nguy hiểm khi tham gia giao thông. - Tự giác chấp hành luật giao thông - Tên gọi, đặc điểm, ý nghĩa của 1 số biển báo giao thông thông thường. - Ý thức tham gia giao thông theo chỉ dẫn của các biển báo.
MT124	<i>An toàn giao thông</i>	
MT125	<i>Biển báo giao thông</i>	
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT126	- <i>Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát;</i>	<p>Hoạt động học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn) - Thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.
MT127	- <i>Biết nói ý tưởng, cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình;</i>	

MT128	- Biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo những cách khác nhau.	- Đặt tên cho đồ vật trẻ thích. - Biết thay tên nhân vật, tên câu chuyện phù hợp với nội dung.
MT129	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Kể chuyện sáng tạo - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo các cách khác nhau - Kể chuyện cho trẻ nghe
MT130	- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;	- Đón kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể . - Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ
MT131	- Nghe, hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Nghe, hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - Thực hiện yêu cầu trong các hoạt động tập thể
MT132	- Nghe hiểu nội dung các câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao, bài hát dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại - Hiểu nghĩa các từ khái quát: thực vật , động vật, đồ gỗ, đồ dùng (đồ dùng gia đình, học tập)...
MT133	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, các từ biểu cảm. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.
MT134	- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;	- Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
MT135	- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;	- Nhận ra sắc thái biểu cảm của lời nói khi nghe kể chuyện, đọc thơ. - Xem đón kịch. - Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ. - Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt. - Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói. - Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói. Hoạt động khác: - Nói được cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. - Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó và quyết tâm hoàn thành nó.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT136	- Nói rõ ràng các âm tiếng Việt, bày tỏ tình cảm và nhu cầu bản thân.	Hoạt động học: - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu. Phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
MT137	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Phát âm được các tiếng có chứa các âm khó - Bày tỏ tình cảm, hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép, câu mở rộng.
MT138	- Sử dụng các loại câu, từ khác nhau trong giao tiếp;	- Trả lời và đặt các câu hỏi “Ai”, “Cái gì?” “Ở đâu?”, “Khi nào”, “Để làm gì”...
MT139	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh	- Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình

	<i>nghiệm của bản thân;</i>	giáo dục trẻ.
MT140	- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;	- Sử dụng Các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng.
MT141	- Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
MT142	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
MT143	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;	- Sử dụng đúng các từ biểu thị sự lễ phép
MT144	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;	- Nói và thể hiện cử chỉ điều bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh giao tiếp.
MT145	- Không nói tục, chửi bậy.	- Sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, mệnh lệnh...
MT146	- Đọc thơ, ca dao, đồng giao, kể chuyện theo hướng dẫn của người lớn.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu. - Điều chỉnh ngữ điệu giọng phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. - Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng thống nhất tham gia vào hoạt động. - Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn. - Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện. - Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp. - Các hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp. - Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói. - Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép, các từ biểu cảm, hình tượng. - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp. - Đọc biểu cảm các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè, hát thuộc và diễn tả cảm xúc các bài hát phù hợp với lứa tuổi - Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật. - Kể có thay đổi một vài chi tiết như tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện trong nội dung truyện - Đóng được vai của nhân vật trong truyện. Hoạt động khác: - Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan. - Có thái độ không đồng tình như: Nhắc bạn bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm, hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy...
3. Làm quen với đọc, viết		
MT147	- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;	Hoạt động học: Nhận dạng các chữ cái đã học.

MT148	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau, thích chọn sách để đọc và xem. - Đọc truyện qua tranh vẽ.
MT149	- Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Biết cách lật mở sách
MT150	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống; nhận ra những chữ cái quen thuộc.	- Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt - Biết đọc sách từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu, đọc từ đầu sách đến cuối sách. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
MT151	- Có một số hành vi như người đọc sách;	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện theo ý tưởng của trẻ, kể lại chuyện xảy ra với bản thân hoặc người xung quanh.
MT152	- Biết kể chuyện theo tranh.	- Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết thúc.
MT153	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;	- Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói.
MT154	- Nhận ra kí hiệu thông thường	- Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết.
MT155	- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái, tên của bản thân	- Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, biển báo giao thông, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cắm lửa,...
MT156	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái o, ô, ơ	- Sao chép, tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
MT157	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái a, ă, â	- Khả năng viết, sao chép tên của mình.
MT158	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái e, ê	- Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình
MT159	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái u, ư	... - Nhận biết chữ o, ơ, ô
MT160	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái i, t, c	- Tô, đồ chữ o, ơ, ô - Nhận biết chữ a, ă, â
MT161	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái b, d, đ	- Tô, đồ chữ a, ă, â - Nhận biết chữ e, ê
MT162	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái l, m, n	- Tô, đồ chữ e, ê - Nhận biết chữ u, ư
MT163	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái h, k	- Tô, đồ chữ u, ư - Nhận biết chữ i, t, c
MT164	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái p, q	- Tô, đồ chữ i, t, c - Nhận biết chữ b, d, đ
MT165	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái g, y	- Tô, đồ chữ b, d, đ - Nhận biết chữ l, m, n
MT166	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái s, x	- Tô, đồ chữ l, m, n - Nhận biết chữ h, k
MT167	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái v, r	- Tô, đồ chữ h, k - Nhận biết chữ p, q
MT168	- Kỹ năng viết, tư thế ngồi viết.	- Tô, đồ chữ p, q - Nhận biết chữ g, y - Tô, đồ chữ g, y - Nhận biết chữ s, x - Tô, đồ chữ s, x - Nhận biết chữ v, r - Tô, đồ chữ v, r - Hướng viết của các nét chữ. - Tô, đồ các chữ cái đã học. - Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới;

		<ul style="list-style-type: none"> - Cách cầm bút, tư thế ngồi ngay ngắn, không gục đầu, tì ngực vào bàn <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn sách để “đọc” và xem - Chú ý nghe đọc sách, thích tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (Nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...) - Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giữ sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định. - Nhận ra chữ cái quen thuộc, một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày (Nhà vệ sinh, cấm lửa,lối ra, lối thoát hiểm, nơi nguy hiểm, một số biển báo giao thông...)
--	--	---

IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức về bản thân

MT169	- Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	<p>Hoạt động học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở thích, khả năng của bản thân. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Tự tin khi thực hiện công việc được giao - Biết trách nhiệm bản thân trong nhóm, trong lớp học - Hoàn thành công việc được giao <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chơi thân thiện với bạn, chia sẻ với bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân. - Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Chủ động, độc lập trong một số hoạt động. - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi)
MT170	- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;	
MT171	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;	
MT172	- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

MT173	- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	<p>Hoạt động học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được không làm được. - Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn. - Trẻ tự tin, cởi mở và thân thiện với các bạn. - Lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm và cùng thảo luận với các bạn trong các hoạt động, trong nhóm chơi. <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân - Đề xuất trò chơi và hoạt động - Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình - Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người khác như: Tự cất đồ chơi sau khi chơi, Tự giác đi rửa tay. - Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp. - Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp. - Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.
MT174	- Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;	
MT175	- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	
MT176	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	
MT177	- Biết xử lý một số tình huống;	
MT178	- Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;	

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT179	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;	Hoạt động học: - Nhận biết và thể hiện cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) với bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo...)
MT180	- Thể hiện tình cảm, cảm xúc với bạn bè, người thân.	- Biết an ủi và chia vui với người thân, bạn bè. - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ
MT181	Thể hiện tình cảm, cảm xúc khi được xem hình ảnh, video, đọc các bài thơ, kể chuyện về Bác Hồ	- Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
MT182	- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;	- Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè. - Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng (vui, buồn) của họ.
MT183	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;	- Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển.
MT184	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Biết thể hiện tình cảm với các con vật cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm...
MT185	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên;	- Thể hiện tình cảm với thiên nhiên Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhật lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây, ...
MT186	- Lắng nghe ý kiến của người khác;	- Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn.
MT187	-Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;	- Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ người thân và bạn bè. - Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện.
MT188	- Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;	- Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện. - Trẻ biết chấp hành một số qui tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng - Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người . - Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người..
MT189	- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;	Hoạt động khác: - Nhận biết và nói được các trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình... - Thích chơi cùng với các bạn, cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác. - Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi. - Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn. - Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn. - Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác. - Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT190	- Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	Hoạt động học: - Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh.
MT191	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Có một số hành vi văn hóa trong sinh hoạt như: Nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, chờ đến lượt, kiềm chế khi cần thiết;
MT192	- Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	Chú ý nghe khi cô, bạn nói; không ngắt lời người khác.
MT193	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. -Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.

MT194	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Nhận ra 3 – 5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây...
MT195	- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	- Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học - Có thói quen nói cảm ơn, xin lỗi khi có lỗi và chào hỏi lễ phép Chú ý lắng nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
MT196	- Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	Hoạt động khác:
MT197	- Có quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt hàng ngày	- Biết trân trọng, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích. - Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân. - Biết an ủi và chung vui với người thân và gia đình. - Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể. - Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn. - Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi. - Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn, - Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội quy qui định của lớp học. - Nề nếp thói quen trong học tập, sinh hoạt. - Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự công bằng trong nhóm bạn. - Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn.
MT198	- Có hành vi ứng xử tốt trong sinh hoạt hàng ngày	

5. Quan tâm đến môi trường		
MT199	- Quan tâm đến môi trường	Hoạt động học:
MT200	- Quan tâm đến môi trường	-Thực hiện tốt việc trực nhật, bỏ rác đúng nơi quy định.
MT201	- Quan tâm đến môi trường	Hoạt động khác: - Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa,...) - Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt đèn, tắt quạt khi ra khỏi phòng, không vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.

V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

MT202	- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của cuộc sống và nghệ thuật	Hoạt động học: - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và các tác phẩm nghệ thuật.
MT203	- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống. - Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành.
MT204	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi.

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

MT205	- Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm những sản phẩm đơn giản;	Hoạt động học: - Lựa chọn, sử dụng phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm.
MT206	- Phối hợp các đường nét, các hình	-Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích, vẽ sáng tạo,

	<i>hình học để vẽ và tô màu tạo thành bức tranh có nội dung, bố cục cân đối, màu sắc hài hòa qua các cách sắp xếp đối xứng và không đối xứng của các đối tượng.</i>	vẽ trang trí, vẽ theo trí nhớ, vẽ theo câu chuyện. vẽ chân dung,... - Biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành các bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. -Biết pha màu để tạo ra bức tranh có màu sắc hài hòa.
MT207	<i>- Sử dụng các kỹ năng tạo hình: cắt, xé, dán, vẽ, nặn, xếp hình... để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.</i>	- Phối hợp các kỹ năng tạo hình vẽ, nặn, cắt, dán, xếp hình... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét hài hòa, cân đối về bố cục. - Tự lựa chọn, tìm kiếm và sử dụng các cách nặn khác nhau, nặn một cách có sáng tạo: nặn nguyên khối, phối hợp nặn chắp ghép với nặn nguyên khối để tạo ra các sản phẩm đa dạng theo chủ đề.
MT208	<i>-Trẻ thực hiện được các kỹ năng nặn</i>	
MT209	<i>-Thực hiện các kỹ năng cắt, dán</i>	
MT210	<i>Thực hiện kỹ năng xé, dán</i>	- Cắt dán các hình tròn, hình tam giác, hình vuông có kích thước to- nhỏ khác nhau, cắt dán những hình đơn giản, giấy giấy và cắt, làm tranh cắt dán,...
MT211	<i>Thực hiện kỹ năng gấp</i>	
MT212	<i>- Có kỹ năng nhận xét sản phẩm</i>	- Cắt rời các hình, chữ, số trên tạp chí, hoạ báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ.
MT213	<i>- Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân</i>	- Trẻ biết một số cách dán như dán chồng hình, dán các nan giấy, dán theo đường viền
MT214	<i>- Kỹ năng ca hát</i>	- Xé theo đường viền khung, xé theo đường vẽ sẵn các hình, gấp và xé lượn cung.
MT215	<i>-Kỹ năng nghe nhạc, nghe hát</i>	- Gấp chéo góc, gấp theo đường thẳng,... miết giấy để tạo thành một số sản phẩm đơn giản như gấp quạt, túi, thuyền...
MT216	<i>Vận động âm nhạc</i>	
MT217	<i>Vận động âm nhạc</i>	-Biết nhận xét các tác phẩm tạo hình của bạn thân, của bạn về màu sắc, hình dáng,đường nét và bố cục. - Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẽ đẹp trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, đồ dùng, đồ chơi. - Dùng các biểu tượng,hình mẫu, ký tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình - Vẽ những ký hiệu theo ý thích - Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát - Thể hiện cảm xúc tự nhiên và bộc lộ hết khả năng của mình khi ca hát. - Nghe và nhận biết các thể loại nhạc ,nhạc cụ khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển.) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của một số bài hát, bản nhạc phù hợp lứa tuổi. - Biết biểu lộ thái độ khi nghe nhạc, nghe hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, theo nhịp, theo tiết tấu - Nhận biết, phân biệt và phản ứng linh hoạt với các thuộc tính âm nhạc (độ cao, tiết tấu, nhịp độ, sắc thái,...) thông qua các trò chơi âm nhạc như trò chơi về độ cao âm thanh, về tiết tấu âm nhạc, về trí nhớ âm nhạc.
MT218	<i>Trò chơi âm nhạc</i>	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT219	<i>- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động tạo hình</i>	Hoạt động học: - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích

MT220	- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động âm nhạc	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích
MT221	- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động âm nhạc	- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.
MT222	Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động tạo hình	- Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm.
MT223	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;	- Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát quen thuộc và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Thể hiện được cảm xúc và vận động phù hợp với các bài hát, bản nhạc (Vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy) với nhịp điệu của bài hát.
MT224	- Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhanh, chậm, phối hợp) - Vận động minh họa sáng tạo một số bài hát - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn) - Tạo âm thanh nhạc cụ, tiếng gió, tiếng suối chảy...

C. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

I. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

Tháng	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5
9	BÉ VỚI TRƯỜNG NHÓM /LỚP (Từ 05/09 đến 08/09) Lớp học của bé	BÉ VỚI TRƯỜNG NHÓM /LỚP (Từ 12/09 đến 15/09) Cô giáo và các bạn của bé	BÉ VỚI TRƯỜNG NHÓM /LỚP (Từ 19/09 đến 22/09) Đồ dùng, đồ chơi trong lớp bé	BÉ VỚI TRƯỜNG NHÓM /LỚP (Từ 26/09 đến 29/09) Công việc của các cô, các bác trong trường mầm non	
10	BẢN THÂN CỦA BÉ (Từ 02/10 đến 06/10) Các bộ phận cơ thể của bé	BẢN THÂN CỦA BÉ (Từ 10/10 đến 13/10) Các giác quan của bé	BẢN THÂN CỦA BÉ (Từ 17/10 đến 20/10) Những món ăn bé thích	BẢN THÂN CỦA BÉ (Từ 24/10 đến 27/10) Trang phục của bé	GIA ĐÌNH CỦA BÉ (Từ 30/10 đến 03/11) Ba, mẹ và người thân của bé
11	GIA ĐÌNH CỦA BÉ (Từ 30/10 đến 03/11) Ba, mẹ và người thân của bé	GIA ĐÌNH CỦA BÉ (Từ 07/11 đến 10/11) Đồ dùng sinh hoạt	GIA ĐÌNH CỦA BÉ (Từ 14/11 đến 17/11) Đồ dùng ăn uống	GIA ĐÌNH CỦA BÉ (Từ 21/11 đến 24/11) Đồ dùng điện	NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (Từ 27/11 đến 01/12) Các con vật nuôi trong gia đình
12	NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (Từ 27/11 đến 01/12) Các con vật nuôi trong gia đình	NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (Từ 04/12 đến 08/12) Con vật sống trong rừng	NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (Từ 11/12 đến 15/12) Các con vật sống dưới nước	NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (Từ 18/12 đến 22/12) Các con vật có cánh, biết bay	CÁC LOẠI HOA BÉ THÍCH (Từ 25/12 đến 29/12) Các loại hoa cho quả
1	CÁC LOẠI HOA BÉ THÍCH (Từ 02/01 đến 05/01) Các loại hoa để làm cảnh	CÁC LOẠI HOA BÉ THÍCH (Từ 08/01 đến 12/01) Hoa cánh to, hoa cánh nhỏ	CÁC LOẠI HOA BÉ THÍCH (Từ 15/01 đến 19/01) Hoa ngày tết	NGÀY TẾT VUI VẺ (Từ 22/01 đến 26/01) Hoa quả ngày tết	NGÀY TẾT VUI VẺ (Từ 29/01 đến 02/02) Bánh, kẹo ngày tết
2	NGÀY TẾT VUI VẺ (Từ 29/01 đến 02/02) Bánh, kẹo ngày tết	NGÀY TẾT VUI VẺ	NGÀY TẾT VUI VẺ	NGÀY TẾT VUI VẺ	NGÀY TẾT VUI VẺ (Từ 26/02 đến 01/03) Bé đi chơi tết
3	NGÀY TẾT VUI VẺ (Từ 26/02 đến 01/03) Bé đi chơi tết	CÁC LOẠI QUẢ BÉ THÍCH (Từ 04/03 đến 08/03) Quả tròn, quả dài	CÁC LOẠI QUẢ BÉ THÍCH (Từ 11/03 đến 15/03) Quả sù xì, quả tron nhãn	CÁC LOẠI QUẢ BÉ THÍCH (Từ 18/03 đến 22/03) Quả mọc thành chùm	CÁC LOẠI RAU CỦ BÉ THÍCH (Từ 25/03 đến 29/03) Các loại rau ăn lá

4	CÁC LOẠI RAU CỦ BÉ THÍCH (Từ 01/04 đến 05/04) Các loại rau ăn quả	CÁC LOẠI RAU CỦ BÉ THÍCH (Từ 08/04 đến 12/04) Các loại rau ăn củ	PHƯƠNG TIÊN GIAO THÔNG (Từ 15/04 đến 19/04) Phương tiện GT đường bộ	PHƯƠNG TIÊN GIAO THÔNG (Từ 22/04 đến 26/04) Phương tiện GT đường thủy	PHƯƠNG TIÊN GIAO THÔNG (Từ 29/04 đến 03/05) Các PTGT đường không
5	PHƯƠNG TIÊN GIAO THÔNG (Từ 29/04 đến 03/05) Các PTGT đường không	PHƯƠNG TIÊN GIAO THÔNG (Từ 06/05 đến 10/05) Các PTGT đường sắt	MÙA HÈ CỦA BÉ (Từ 13/05 đến 17/05) Mùa hè đến	MÙA HÈ CỦA BÉ (Từ 20/05 đến 24/05) Bé sắp vào mẫu giáo	

PHÂN CÔNG CHUYÊN ĐỀ: Nhóm 1A: Xây dựng trường mầm non hạnh phúc

1A: Ánh Hồng: PTVĐ (KT tháng 2/2024), NBTN (KT tháng 4); Thu Thúy: UDCNTT trong LQVH (KT tháng 5), TH (KT tháng 3)

1B: Việt Anh: TH(KT tháng 3); NBPB(KT tháng 4);

Loan: LQVT (KT tháng 5);

Lệ : PTVĐ (KT tháng 2/2024)

NBC: Phụng: LTLTT (KT: T10,T1);

Hương: NBPB (KT tháng 4) NBTN (KT T4);

KIỂM TRA SỬ PHẠM NG: Ánh Hồng, lệ (Tháng 11)

II. KHÔI MẪU GIÁO

1. MẪU GIÁO BÉ 3-4 TUỔI

1.1. Dự kiến chủ đề:

Tháng	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5
9	TRƯỜNG MẦM NON (Từ 05/09 đến 08/09) Trường, lớp, của bé	TRƯỜNG MẦM NON (Từ 11/09 đến 15/09) Cô giáo và các bạn của bé	TRƯỜNG MẦM NON (Từ 18/09 đến 22/09) Đồ dùng, đồ chơi trong lớp bé.	TRƯỜNG MẦM NON (Từ 25/09 đến 29/09) Lao động của người lớn trong trường MN	
10	BẢN THÂN (Từ 02/10 đến 06/10) Các bộ phận cơ thể bé	BẢN THÂN (Từ 09/10 đến 13/10) Các giác quan của bé	BẢN THÂN (Từ 16/10 đến 20/10) Thức ăn giúp bé khỏe mạnh	BẢN THÂN (Từ 23/10 đến 27/10) Trang phục của bé	
11	GIA ĐÌNH (Từ 30/10 đến 03/11) Những người thân trong gia đình	GIA ĐÌNH (Từ 06/11 đến 10/11) Ngôi nhà thân yêu	GIA ĐÌNH (Từ 13/11 đến 17/11) Đồ dùng ăn uống	GIA ĐÌNH (Từ 20/11 đến 24/11) Đồ dùng phục vụ sinh hoạt gia đình	GIA ĐÌNH (Từ 27/11 đến 01/12) Đồ dùng điện
12	NGÀNH NGHỀ (Từ 04/12 đến 08/12) Cô bán hàng, cô chú công nhân	NGÀNH NGHỀ (Từ 11/12 đến 15/12) Y tá, bác sĩ	NGÀNH NGHỀ (Từ 18/12 đến 22/12) Chú bộ đội, chú công an -D	NGÀNH NGHỀ (Từ 25/12 đến 29/12) Bác nông dân	
1	THỰC VẬT (Từ 02/01 đến 05/01) Một số loại hoa	THỰC VẬT (Từ 08/01 đến 12/01) Một số loại rau	THỰC VẬT (Từ 15/01 đến 19/01) Một số loại quả	THỰC VẬT (Từ 22/01 đến 26/01) Cây xanh và môi trường sống	TẾT VÀ MÙA XUÂN (Từ 29/01 đến 02/02) Tết và các phong tục tập quán
2	TẾT VÀ MÙA XUÂN	TẾT VÀ MÙA XUÂN	TẾT VÀ MÙA XUÂN	TẾT VÀ MÙA XUÂN (Từ 26/02 đến 01/03) Các loại hoa quả, bánh kẹo ngày tết	
3	NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (Từ 04/03 đến 08/03) Nước, đất, cát, đá sỏi...	NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (Từ 11/03 đến 15/03) Các hiện tượng thời tiết	NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (Từ 18/03 đến 22/03) Các mùa trong năm	AN TOÀN GIAO THÔNG (Từ 25/03 đến 29/03) Các phương tiện giao thông	
4	AN TOÀN GIAO THÔNG (Từ 01/04 đến	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (Từ 08/04 đến	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (Từ 15/04 đến	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (Từ 22/04 đến	

	05/04) Luật giao thông	12/04) Các con vật nuôi trong gia đình.	19/04) Động vật sống dưới nước	26/04) Động vật sống trong rừng	
5	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (Từ 29/04 đến 03/05) Côn trùng	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (Từ 06/05 đến 10/05) Động vật thời tiền sử	QUE HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC , BÁC HỒ (Từ 13/05 đến 17/05) Bác Hồ của chúng em.	QUE HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC , BÁC HỒ (Từ 20/05 đến 24/05) Quê hương em	

1.2. Phân công chuyên đề :

Mầm 3 : Xây dựng trường mầm non hạnh phúc

Mầm 4 : Xây dựng thư viện xanh

Mầm 1 : Tuyết Oanh : PTVĐ (KT tháng 2/2024), UDCNTT trong LQVT (KT tháng 9);
Thắm : LTLTT (KT tháng 10, tháng 1)

Mầm 2 : Hải Lý : ATGT (KT tháng 3) ; UDCNTT trong tạo hình (KT tháng 9)

Anh Minh : Sẵn sàng đọc viết (KT tháng 12) ; UDCNTT trong PTNN (KT tháng 4)

Mầm 3 : Thanh Mỹ UDCNTT trong PTNN (KT tháng 9) ; KPKH lồng ghép GDBVMT (KT tháng 11) Thanh Minh : LTLTT (KT tháng 10, tháng 1)

Mầm 4 : Trà My : Sẵn sàng đọc viết (KT tháng 12) ; ATGT (KT tháng 3);

Diễm UDCNTT trong GDAN (KT tháng 4) ; KPKH lồng ghép GDBVMT (KT tháng

11)

Mầm 5 : P. Vân : PTVĐ (KT tháng 2/2024) ; ATGT (KT tháng 3)

Nhung : UDCNTT trong LQVH (KT tháng 9) ; Sẵn sàng đọc viết (KT tháng 12)

1.3 Kiểm tra sự phạm :

+ Thắm (KT tháng 10)

+ Tuyết Oanh (KT tháng 11)

+ P. Vân (KT tháng 3)

+ Mỹ (KT tháng 11)

+ Thanh Minh (KT tháng 1)

+ Trà My (KT tháng 12)

2. MẪU GIÁO NHỞ 4-5 TUỔI

2.1. Dự kiến chủ đề, sự kiện

Tháng	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5
9		TRƯỜNG MẦM NON (4 tuần) (Từ 05/09 đến 08/09) Trường, lớp của bé (Ngày hội đến trường, Tết trung thu)	TRƯỜNG MẦM NON (4 tuần) (Từ 12/09 đến 15/09) Cô giáo và các bạn của bé	TRƯỜNG MẦM NON (4 tuần) (Từ 19/09 đến 22/09) Đồ dùng, đồ chơi trong lớp bé.	TRƯỜNG MẦM NON (4 tuần) (Từ 26/09 đến 29/09) Lao động của người lớn trong trường MN
10	BẢN THÂN (4 tuần) (Từ 02/10 đến 06/10) Các bộ phận cơ thể bé	BẢN THÂN (4 tuần) (Từ 09/10 đến 13/10) Các giác quan của bé	BẢN THÂN (4 tuần) (Từ 16/10 đến 20/10) Thức ăn giúp bé khỏe mạnh (Ngày PNVN 20/10)	BẢN THÂN (4 tuần) (Từ 23/10 đến 27/10) Trang phục của bé.	GIA ĐÌNH (5 tuần) (Từ 30/10 đến 03/11) Những người thân trong gia đình
11	GIA ĐÌNH (5 tuần) (Từ 30/10 đến 03/11) Những người thân trong gia đình	GIA ĐÌNH (5 tuần) (Từ 06/11 đến 10/11) Ngôi nhà thân yêu	GIA ĐÌNH (5 tuần) (Từ 13/11 đến 17/11) Đồ dùng ăn uống (Ngày tết thầy cô giáo 20/11)	GIA ĐÌNH (5 tuần) (Từ 20/11 đến 24/11) Đồ dùng phục vụ sinh hoạt gia đình	GIA ĐÌNH (5 tuần) (Từ 27/11 đến 01/12) Đồ dùng điện
12	GIA ĐÌNH (5 tuần) (Từ 27/11 đến 01/12) Đồ dùng điện	THỰC VẬT (4 tuần) (Từ 04/12 đến 08/12) Một số loại hoa, quả	THỰC VẬT (4 tuần) (Từ 11/12 đến 15/12) Một số loại rau	THỰC VẬT (4 tuần) (Từ 18/12 đến 22/12) Các loại rễ (ngày tết chú bộ đội 22/12, lễ GS 24/12)	THỰC VẬT (4 tuần) (Từ 25/12 đến 29/12) Cây xanh và môi trường sống
1	NGÀNH NGHỀ 1 (4 tuần) (Từ 02/01 đến 05/01) Cô bán hàng, chú công nhân	NGÀNH NGHỀ 1 (4 tuần) (Từ 08/01 đến 12/01) Chú bộ đội, chú công an	NGÀNH NGHỀ 1 (4 tuần) (Từ 15/01 đến 19/01) Y tá, bác sĩ	NGÀNH NGHỀ 1 (4 tuần) (Từ 22/01 đến 26/01) Bác nông dân	TẾT VÀ MÙA XUÂN (2 Tuần) (Từ 29/01 đến 02/02) Hoa quả, bánh kẹo ngày tết
2	TẾT VÀ MÙA XUÂN (2 Tuần) (Từ 29/01 đến 02/02) Hoa quả, bánh kẹo ngày tết	TẾT VÀ MÙA XUÂN (2 Tuần)	TẾT VÀ MÙA XUÂN (2 Tuần)	TẾT VÀ MÙA XUÂN (2 Tuần)	TẾT VÀ MÙA XUÂN (2 Tuần) (Từ 26/02 đến 01/03) Phong tục ngày tết
3	TẾT VÀ MÙA XUÂN (2 Tuần) (Từ 26/02 đến 01/03)	NƯỚC VÀ MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (2 tuần)	NƯỚC VÀ MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (2 tuần)	GIAO THÔNG (3 tuần) (Từ 18/03 đến 22/03)	GIAO THÔNG (3 tuần) (Từ 25/03 đến 29/03)

	Phong tục ngày tết	(Từ 04/03 đến 08/03) Các mùa trong năm	(Từ 11/03 đến 15/03) Nước, đất, cát, đá sỏi...	Các phương tiện giao thông	Biển báo giao thông
4	GIAO THÔNG (3 tuần) (Từ 01/04 đến 05/04) Luật giao thông	ĐỘNG VẬT (5 tuần) (Từ 08/04 đến 12/04) Động vật sống trong rừng.	ĐỘNG VẬT (5 tuần) (Từ 15/04 đến 19/04) Động vật sống dưới nước.	ĐỘNG VẬT (5 tuần) (Từ 22/04 đến 26/04) Nhóm côn trùng	ĐỘNG VẬT (5 tuần) (Từ 29/04 đến 03/05) Động vật nhóm bò sát
5	ĐỘNG VẬT (5 tuần) (Từ 29/04 đến 03/05) Động vật nhóm bò sát	ĐỘNG VẬT (5 tuần) (Từ 06/05 đến 10/05) Động vật sống ở khắp nơi	QUÊ HƯƠNG - ĐẤT NƯỚC - BÁC HỒ (2 tuần) (Từ 13/05 đến 17/05) Bác Hồ của chúng em (SN Bác Hồ).	QUÊ HƯƠNG - ĐẤT NƯỚC - BÁC HỒ (2 tuần) (Từ 20/05 đến 24/05) Quê hương của bé	

2.2. Phân công chuyên đề :

Chòi 1 : Xây dựng thư viện xanh

Chòi 4: Xây dựng trường mầm non hạnh phúc.

Chòi 1 : Ngọc : LTLTT (KT tháng 10, tháng 1) ; UDCNTT trong GDAN (KT tháng 4)

Hoa B : KPKH lồng ghép GDBVMT (KT tháng 11) ; Đọc – viết liên thông (KT tháng

12)

Chòi 2 : Hoa A : Đọc viết liên thông (KT tháng 12) ; PTVĐ (KT tháng 2/2024)

Sa : LTLTT (KT tháng 10, tháng 1)

Chòi 3 : Gấm : UDCNTT trong GDAN (KT tháng 4) ; GD Bảo vệ MT (KT tháng 11)

T. Dương : LTLTT (KT tháng 10, tháng 1)

Chòi 4 : T. Hoa : Giáo dục ATGT (KT tháng 3) ; UDCNTT trong PTNN (Ktra tháng 4)

Dung : LTLTT (KT tháng 10, tháng 1)

Chòi 5 : Vẽ : LTLTT (KT tháng 10, tháng 1)

Văn : ATGT (KT tháng 3) ; UDCNTT trong LQVT (KT tháng 9)

Chòi 6 : T. Châu : KPKH lồng ghép GDBVMT (KT tháng 11) ; Đọc – Viết liên thông (KT tháng

12).

Kha : UDCNTT trong LQVT (KT tháng 9) ; ATGT (KT tháng 3)

Chòi 7 : Ánh : LTLTT (KT tháng 10, tháng 3)

Ngà : GD ATGT (KT tháng 3) ; Đ-Viết liên thông (KT tháng 12)

2.3 Kiểm tra Sư phạm nhà giáo :

- Châu Kha (KT tháng 3)
- Gấm (KT tháng 10)
- Thùy Dương (KT Tháng 1)
- Kim Ngọc (KT tháng 4)

3. MẪU GIÁO LỚN 5-6 TUỔI

3.1. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN TRONG NĂM HỌC 2023 - 2024 MẪU GIÁO LỚN 5-6 TUỔI

Tháng	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5
9	BẢN THÂN (Từ 05/09 đến 08/09) Cơ thể bé	BẢN THÂN (Từ 11/09 đến 15/09) Sở thích của bé	NƯỚC VÀ HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (Từ 18/09 đến 22/09) Nước, cát, sỏi, đá...	NƯỚC VÀ HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (Từ 25/09 đến 29/09) thời tiết khi hậu	
10	NƯỚC VÀ HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (Từ 02/10 đến 06/10) Mưa	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (Từ 09/10 đến 13/10) Bé khám phá đại dương	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (Từ 16/10 đến 20/10) Động vật thời tiền sử	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (Từ 23/10 đến 27/10) Những con vật được nở ra từ quả trứng	
11	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (Từ 30/10 đến 03/11) Côn trùng	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (Từ 06/11 đến 10/11) Động vật sống khắp nơi	NHÀNH NGHỀ (Từ 13/11 đến 17/11) Nghề khai thác, chế biến mù cao su	NHÀNH NGHỀ (Từ 20/11 đến 24/11) Nghề bác sĩ, cô giáo	NHÀNH NGHỀ (Từ 27/11 đến 01/12) Nghề gồm quê em
12	NHÀNH NGHỀ (Từ 04/12 đến 08/12) Nghề chăm sóc sắc đẹp	NHÀNH NGHỀ (Từ 11/12 đến 15/12) Ước mơ của bé	THẾ GIỚI THỰC VẬT (Từ 18/12 đến 22/12) Rau xanh	THẾ GIỚI THỰC VẬT (Từ 25/12 đến 29/12) Những loài cây sống dưới nước	
1	THẾ GIỚI THỰC VẬT (Từ 02/01 đến 05/01) Cây cao su	THẾ GIỚI THỰC VẬT (Từ 08/01 đến 12/01) Nhóm cây sống tâm gửi	THẾ GIỚI THỰC VẬT (Từ 15/01 đến 19/01) Cây thuốc nam		
2					
3	GIA ĐÌNH TÔI (Từ 26/02 đến 01/03) Gia đình của bé	GIA ĐÌNH TÔI (Từ 04/03 đến 08/03) Nhu cầu của gia đình	PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG (Từ 11/03 đến 15/03) Các phương tiện giao thông	PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG (Từ 18/03 đến 22/03) Các biển báo giao thông	PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG (Từ 25/03 đến 29/03) Luật giao thông
4	QUÊ HƯƠNG- ĐẤT NƯỚC- BÁC HỒ (Từ 01/04 đến 05/04) Phú Giáo quê em	QUÊ HƯƠNG- ĐẤT NƯỚC- BÁC HỒ (Từ 08/04 đến 12/04) Thủ đô Hà Nội	QUÊ HƯƠNG- ĐẤT NƯỚC- BÁC HỒ (Từ 15/04 đến 19/04) Bác Hồ của chúng em	QUÊ HƯƠNG- ĐẤT NƯỚC- BÁC HỒ (Từ 22/04 đến 26/04) Biển đảo tổ quốc	

5	TRƯỜNG TIỂU HỌC (Từ 29/04 đến 03/05) Trường tiểu học	TRƯỜNG TIỂU HỌC (Từ 08/05 đến 10/05) Đồ dùng học tập của học sinh lớp một	MÙA HÈ (Từ 13/05 đến 17/05) Sắc màu mùa hè	MÙA HÈ (Từ 20/05 đến 24/05) Mùa hè của bé	

3.2. Phân công chuyên đề:

Lá 1: Xây dựng trường mầm non hạnh phúc

Lá 4: Xây dựng thư viện xanh

Lá 1 : Khiết Nhi : LQCV (KT tháng 12, tháng 5)

Trang : UDCNTT trong LQVT (KT tháng 9) ; PTVĐ (KT tháng 10)

Lá 2 : Hương Thảo : UDCNTT trong GDAN (KT tháng 4) ; LQCV (KT tháng 12, tháng 5)

Hằng : KPKH giáo dục BVMT (KT tháng 11) ; ATGT (KT tháng 3)

Lá 3 : Huyền : LTLTT (KT tháng 10, tháng 1)

Trình : KPKH giáo dục BVMT (KT tháng 11) ; ATGT (KT tháng 3)

Lá 4 : Sơn : UDCNTT trong PTNN (KT tháng 10) ; LQCV (Kiểm tra tháng 12, tháng 5)

Hồng : LTLTT (KT tháng 10, tháng 1)

Lá 5 : Trâm : UDCNTT trong GDAN (KT tháng 4) ; LQCV (Kiểm tra tháng 12, tháng 5)

Linh : LTLTT (KT tháng 10, tháng 1)

Lá 6 : : Kiều Oanh : ATGT (KT tháng 3) ; PTVĐ (KT tháng 2/2024)

T. Phương : LQCV (KT tháng 12, tháng 5)

3.3. Kiểm tra sự phạm nhà giáo

- Khiết Nhi : KT tháng 12)
- Trang (KT tháng 10)
- Hằng (KT tháng 3)
- Trâm : (KT tháng 4)
- Linh (KT tháng 1)
- Phương (KT tháng 1)

D. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

1. Chế độ sinh hoạt nhà trẻ 24-36 tháng

Thời gian	Hoạt động
6h 15 - 6h 30	Vệ sinh nhóm lớp
6h 30 - 7h	Đón trẻ
7h - 7h 15	Thê dục sáng
7h 15 - 8h10	Vệ sinh - Ăn sáng- Uống sữa
8h10 - 8h 50	Đạo chơi ngoài trời
8h 50 – 9h	Vệ sinh
9h - 9h 20	Hoạt động chơi – tập buổi sáng
9h20 – 10h	Hoạt động vui chơi
10h -11h30	Vệ sinh – Ăn trưa
11h30 -14h	Ngủ trưa
14h - 14h 30	Vệ sinh, Ăn xế
14h30 - 15h	Hoạt động chơi - tập buổi chiều
15h-15h15- 16h	Vệ sinh – Ăn chiều
16h - 17h	Chơi tự do -Trả trẻ

2. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT MẪU GIÁO

a. Chế độ sinh hoạt khối Mầm

Thời gian	Hoạt động
6h15 - 6h30	Vệ sinh nhóm/ lớp.
6h30 - 7h20	Đón trẻ-Thể dục sáng – Điểm danh
7h20 – 8h	Vệ sinh - Ăn sáng- Uống sữa
8h - 8h40	Hoạt động ngoài trời
8h40 – 8h55	Vệ sinh
9h - 9h25	Hoạt động học
9h25 - 10h10	Hoạt động vui chơi
10h15- 11h30	Vệ sinh – Ăn trưa
11h30 - 14h	Ngủ trưa
14h - 14h30	Vệ sinh - Ăn xế
14h30 -15h	Hoạt động chiều
15h - 16h	Vệ sinh – Ăn chiều
16h - 16h30	Hoạt động nêu gương
16h30 - 17h	Trả Trẻ

b. Chế độ sinh hoạt khối Chồi

Thời gian	Hoạt động
6h15 - 6h30	Vệ sinh nhóm/lớp
6h30 - 7h20	Đón trẻ –Thẻ đục sáng – Điểm danh
7h20 – 8h	Vệ sinh - Ăn sáng- Uống sữa
8h - 8h45	Hoạt động ngoài trời
8h45 – 9h	Vệ sinh
9h - 9h30	Hoạt động học
9h30 - 10h20	Hoạt động vui chơi
10h20 – 11h40	Vệ sinh – Ăn trưa
11h40 - 14h	Ngủ trưa
14h - 14h30	Vệ sinh - Ăn xế
14h30 - 15h	Hoạt động chiều
15h - 16h	Vệ sinh – Ăn chiều
16h - 16h30	Hoạt động nêu gương
16h30 - 17h	Trả Trẻ

c. Chế độ sinh hoạt khối Lá

Thời gian	Hoạt động
6h15 - 6h30	Vệ sinh nhóm/lớp
6h30 - 7h20	Đón trẻ-Thể dục sáng- Điểm danh
7h20 – 8h	Vệ sinh - Ăn sáng - Uống sữa
8h - 8h45	Hoạt động ngoài trời
8h45 – 9h	Vệ sinh
9h - 9h35	Hoạt động học
9h35 - 10h20	Hoạt động vui chơi
10h20 – 11h40	Vệ sinh – Ăn trưa
11h40 - 14h	Ngủ trưa
14h - 14h30	Ăn xế
14h30 - 15h	Hoạt động chiều
15h - 16h	Vệ sinh – Ăn chiều
16h - 16h30	Hoạt động nêu gương
16h30 - 17h	Trả Trẻ

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2023 - 2024 của Trường Mầm non Phước Hòa, đề nghị các tổ khối chuyên môn, giáo viên thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện mọi vướng mắc xin liên hệ Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn nhà trường./.

Nơi nhận:

- PGD
- Các tổ khối;
- Lưu: VT, CM.
- Trang Web

P.HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Hương

